TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

Đơn vị cổ phần hóa : Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3

Địa chỉ : 115 Ngô Gia Tự, P.Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại : 0511 3830202 Fax : 0511 3822767

Đại diện ông : Nguyễn Thành Linh - Chủ tịch kiêm Giám đốc

Đơn vị tư vấn xây dựng phương án : Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đà Nẵng, tháng 9 năm 2014

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP 4
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp 4
2. Ngành nghề kinh doanh chính 4
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu 4
4. Quá trình hình thành và phát triển. 5
5. Mô hình tổ chức và quản lý 6
6. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa 12
II. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY T ẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP 17
1. Thực trạng về tài sản cố định 17
2. Thực trạng về đất đai đang sử dụng: 18
3. Thực trạng về tài chính và công nợ 19
4. Thực trạng về lao động: 20
5. Các tổ chức đoàn thể gồm: 21
6. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý 22
PHẦN II 23
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA 23
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN 23
1. Cơ sở pháp lý 23
2. Mục tiêu cổ phần hóa 24
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa 25
4. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp 25
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA 26
1. Hình thức cổ phần hóa 27
2. Thông tin doanh nghiệp cổ phần 27
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty: 28
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ 28
5. Loại cổ phần và phương thức phát hành 29
6. Phương án xử lý số lượng cổ phần không bán hết 34
7. Phương án đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán 34
8. Chi phí cổ phần hóa 34
9. Quản lý và sử dụng tiền thu từ bán cổ phần 35
10. Phương án sử dụng lao động 36
11. Chính sách giải quyết lao động dôi dư 38
12. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành 40
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3-5 năm sau cổ phần hóa 50
14. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 56
PHẦN III 57
KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN 57
1. Kiến nghị 57
2. Tổ chức thực hiện 57

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
ĐBCL	: Đảm bảo chất lượng
KTCL	: Kiểm tra chất lượng
DNNN	: Doanh nghiệp Nhà nước
GMP	: Thực hành tốt sản xuất thuốc
GSP	: Thực hành tốt bảo quản thuốc
GLP	: Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc
GDP	: Thực hành tốt phân phối thuốc
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
ROA	Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản
ROE	Tỷ suất sinh lời trên Vốn chủ sở hữu.

PHẦN I
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- Tên Công ty: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3
- Tên tiếng Anh: CENTRAL PHARMACEUTICAL COMPANY N.3
- Tên viết tắt: CETECOUS
- Tên gọi ngắn gọn: CPC3
- Địa chỉ: 115 NGÔ GIA TỰ, P.HẢI CHÂU I, Q.HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG
- Điện thoại: 0511 3830202
- Fax: 0511 3822767
- Mã số thuế: 0400102077
- Website: duoctw3.com
- Email: ceteco.us2013@yahoo.com

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400102077 cấp lần đầu ngày 19/10/2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 25/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, thực phẩm, thực phẩm chức năng, hóa mỹ phẩm… Mã ngành 2100 (chính);
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kho… (MN 6810);
- Bán lẻ: Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng… (MN 4772).
- Bán buôn: Bán buôn, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu, thực phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin và sinh phẩm y tế… (MN 4669);
- Dịch vụ bảo quản thuốc …(MN 7490)

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam, sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, bao gồm các sản phẩm chủ yếu:

- Thuốc hạ sốt, kháng viêm, giảm đau, dị ứng.
- Thuốc kháng sinh.

- Thuốc hệ tiêu hóa.
- Vitamin và khoáng chất.
- Sản phẩm hỗ trợ điều trị.
- Các sản phẩm khác.

4. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 tiền thân là Kho thuốc K45 thuộc Ban Y tế khu Trung Trung bộ. Quá trình phát triển của Công ty trải qua các giai đoạn sau:

*** Giai đoạn 1: Từ tháng 10/1968 đến 03/02/1976**

Ngày 03/02/1976, Tổng Kho thuốc được thành lập và có tên gọi là Kho thuốc K45 Vinh Quang thuộc Ban Y tế Khu Trung Trung bộ (tiền thân của Tổng Kho thuốc chi viện từ miền Bắc vào miền Nam được tách từ đơn vị Đội 20 thuộc Ban Kinh tài Khu 5 vào thời gian trước tháng 10/1968).

Chức năng nhiệm vụ: Cung ứng và tiếp nhận thuốc, dụng cụ TBYT, hóa chất xét nghiệm ... từ miền Bắc vào miền Nam để chi viện phục vụ chiến trường Khu 5.

*** Giai đoạn 2: Từ ngày 03/02/1976 đến 05/06/1985**

Ngày 03/02/1976, Bộ trưởng Bộ Y tế ra Quyết định số 82/BYT-QĐ về việc thành lập Công ty Dược Tổng hợp Cấp I tại Đà Nẵng (gọi tắt là Công ty Dược Cấp I - Đà Nẵng) đặt dưới sự chỉ đạo của Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam.

Chức năng nhiệm vụ: Là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, kinh doanh các mặt hàng tân dược, dược liệu, nguyên liệu tân dược, hóa chất, thiết bị dụng cụ y tế, sản xuất thuốc Nam, thuốc Bắc, nấu và bào chế các loại cao đơn hoàn tán nhằm phân phối, phục vụ cho nhu cầu phòng bệnh chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe của nhân dân các tỉnh thuộc Khu 5.

*** Giai đoạn 3: Ngày 05/06/1985 đến ngày 09/04/1993**

Bộ trưởng Bộ Y tế ra Quyết định số 534/BYT-QĐ về việc đổi tên các đơn vị trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam, theo đó Công ty Dược Cấp I - Đà Nẵng được đổi thành Công ty Dược liệu Trung ương III..

Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất, kinh doanh thuốc tân dược, nguyên liệu thành phẩm đông dược, hóa chất, thiết bị dụng cụ y tế ... thực hiện chương trình PAM, cung cấp và phục vụ thuốc, dụng cụ y tế cho công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai bão lụt tại các tỉnh miền Trung - Tây nguyên.

*** Giai đoạn 4: Ngày 09/04/1993 đến 28/6/2010**

Căn cứ Thông báo số 108/TB của Văn phòng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Y tế ra Quyết định số 392/BYT-QĐ ngày 20/04/1993 về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước. Theo đó Công ty Dược Liệu Trung ương III được đổi tên thành Công ty Dược Trung ương 3.

Chức năng nhiệm vụ: Là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, là đơn vị thành viên của Tổng công ty Dược Việt Nam, hoạt động theo luật doanh nghiệp Nhà nước và các qui định của pháp luật. Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, thành phẩm tân dược, đông nam dược và vật tư thiết bị y tế. Sản xuất thuốc tân dược, đông dược. Thực hiện việc cung cấp thuốc, vật tư thiết bị y tế cho công tác phòng chống dịch bệnh, thiên

tai bão lụt và thực hiện một số chương trình công ích xã hội khác tại khu vực miền Trung - Tây nguyên và cả nước.

Năm 2003 Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kho, xưởng, phòng kiểm tra chất lượng đạt tiêu chuẩn Thực hành bảo quản thuốc tốt (GSP); Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP); Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP); Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP). Đến năm 2009 Công ty xây dựng cơ sở đạt thực hành tốt sản xuất thuốc theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (GMP-WHO).

*** Giai đoạn 5: Ngày 29/6/2010 đến nay**

Công ty Dược Trung ương 3 chính thức được chuyển đổi sang **Công ty TNHH một thành viên Dược Trung ương 3** theo Quyết định số 047/QĐ-TCTD ngày 29/6/2010 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam.

5. Mô hình tổ chức và quản lý

a. Mô hình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Mô hình tổ chức và quản lý của Công ty TNHH một thành viên Dược Trung ương 3 gồm: Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc và các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

b. Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự hiện nay:

Chủ tịch công ty	: 01 người	(kiêm Giám đốc)
Kiểm soát viên	: 01 người	
Ban điều hành	: 03 người	
- Giám đốc	: 01 người	
- Phó Giám đốc	: 01 người	
- Kế toán trưởng	: 01 người	
Các phòng ban chức năng		
- Phòng Tổ chức Hành chính	: 05 người	
- Phòng Kế toán	: 06 người	
- Phòng Kế hoạch	: 03 người	
- Phòng Bán hàng	: 37 người	
- Phòng Kinh doanh	: 27 người	
- Phòng Kỹ thuật	: 04 người	
- Phòng Đảm bảo chất lượng	: 10 người	
- Phòng Cơ điện	: 06 người	
- Phòng Kiểm tra chất lượng	: 06 người	
- Kho GSP	: 07 người	
- Nhà máy GMP	: 52 người	
- Chi nhánh Hà Nội	: 22 người	
- Chi Nhánh HCM	: 08 người	

c. Sơ đồ tổ chức công ty

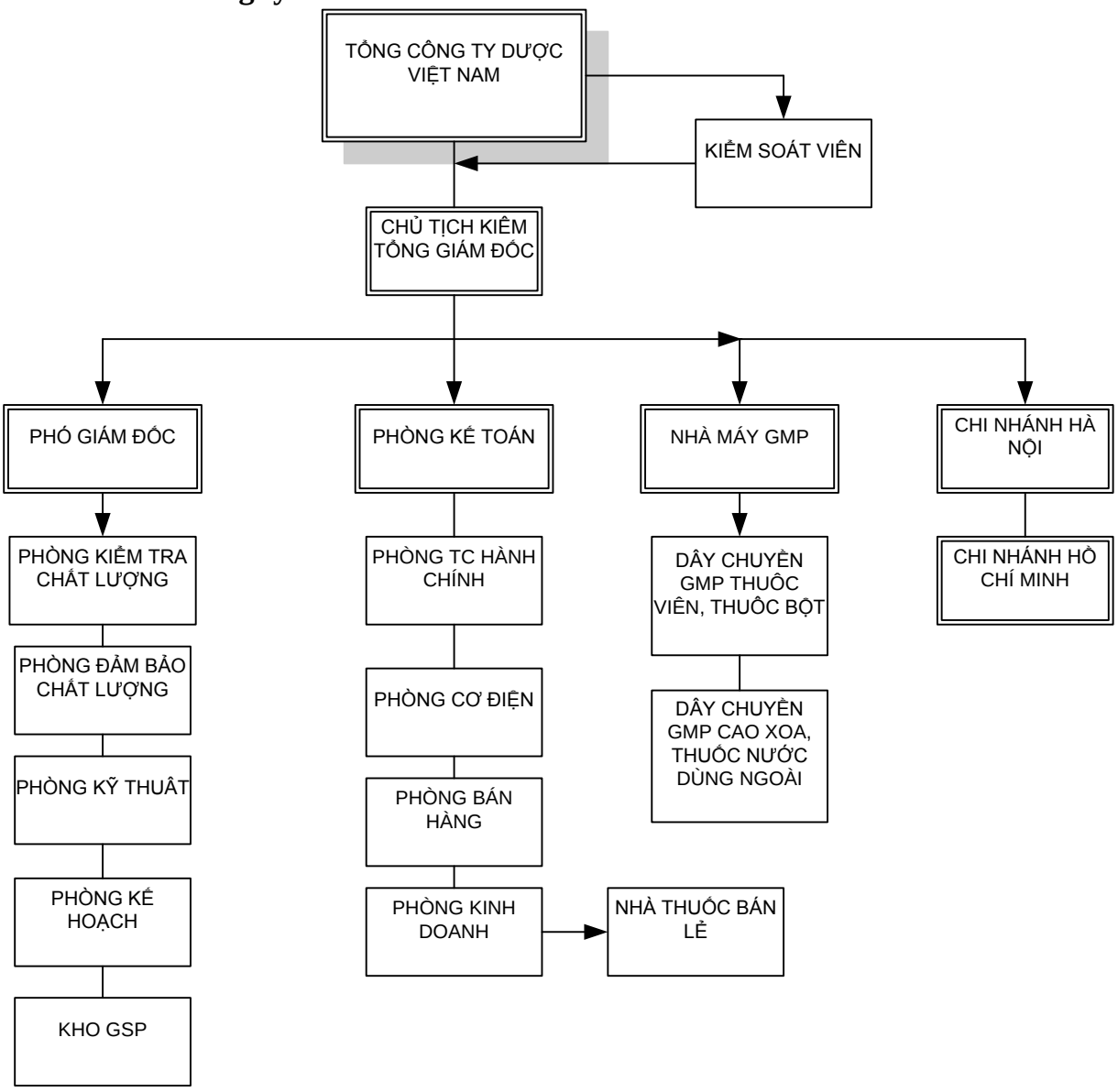

d. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

*** Phòng Tổ chức Hành chính**

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác tổ chức cán bộ.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Tổ chức thực hiện các công việc trong lĩnh vực quản trị hành chính.
- Quản lý và lưu trữ hồ sơ CBCNV.
- Tham mưu và xây dựng bộ máy tổ chức quản lý, bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Làm thủ tục tiếp nhận, chuyển giao, thành lập, sáp nhập và giải thể các đơn vị, phòng ban trực thuộc khi có quyết định của Công ty và cấp trên.

- Tham mưu cho Giám đốc quyết định điều động, sắp xếp, bố trí, tuyển dụng, tiếp nhận và thuyên chuyển CBCNV theo phân cấp quản lý.
- Tổ chức triển khai việc xếp hạng, chuyển hạng doanh nghiệp, làm thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận hạng Doanh nghiệp.
- Lập kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Tổ chức thi nâng ngạch, nâng bậc lương cho CBCNV theo đúng quy định.
- Tổ chức nghiên cứu xây dựng và sửa đổi, bổ sung nội quy lao động, quy chế tổ chức, quy chế tiền lương, tiền thưởng v.v...
- Kiểm tra các đơn vị thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, tình hình chấp hành luật lao động.
- Giải quyết các thủ tục về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu, tại nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, giám định khả năng lao động.
- Tham mưu cho Giám đốc trong việc xây dựng và ký thoả ước lao động tập thể.

*** Phòng Kế toán :**

- Phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật. Theo dõi tình hình biến động và số hiện có về các loại vốn bằng tiền, tài sản, vật tư, và nguồn hình thành tài sản của Công ty.
- Phân tích các số liệu hạch toán kế toán và đề xuất các biện pháp tối ưu nhằm giúp lãnh đạo đề ra những quyết định đúng cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức hạch toán theo từng phần hành kế toán nhằm theo dõi chi tiết mọi nguồn vốn phát sinh của Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban nghiên cứu quy trình lập, luân chuyển chứng từ kế toán một cách hợp lý phục vụ cho công tác hạch toán kế toán đồng thời tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ kế toán đảm bảo đầy đủ, cẩn trọng theo đúng quy định của Luật kế toán.
- Tổng hợp số liệu kế toán chi tiết các phần hành để lập báo cáo tài chính một cách chính xác kịp thời. Đảm bảo phản ánh trung thực tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cuối mỗi kỳ kế toán (hàng là quý, năm). Thực hiện nộp báo cáo tài chính đúng theo qui định.
- Tổ chức công tác đối chiếu công nợ, đôn đốc thu hồi công nợ, đặc biệt là nợ phải thu, giảm thiểu tối đa vốn bị chiếm dụng, tăng khả năng thanh toán nhanh bằng tiền của Công ty.
- Nghiên cứu và áp dụng các văn bản pháp luật mới về công tác kế toán, thống kê đảm bảo đúng quy định của nhà nước.

*** Phòng Kế hoạch**

- Xây dựng kế hoạch phát triển công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Theo dõi giám sát việc thực hiện kế hoạch đó.

- Tham mưu cho Ban Giám đốc trong các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch. Đưa ra giải pháp, biện pháp để giúp bộ phận chức năng, đầu mối hoàn thành nhiệm vụ, cải tiến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý, hàng năm giúp Ban Giám đốc trong việc thống kê, báo cáo số liệu sản xuất kinh doanh và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban Giám đốc.
- Theo dõi, thống kê phân tích tình hình biến động của thị trường trong lĩnh vực doanh nghiệp hoạt động, báo cáo Ban Giám đốc để có những quyết định kịp thời trong điều hành quản lý doanh nghiệp.

*** Phòng Bán hàng**

- Trực tiếp bán các mặt hàng do Công ty sản xuất.
- Tiếp thị và nắm bắt nhu cầu của thị trường về tiêu thụ sản phẩm hàng sản xuất của Công ty.
- Đề xuất phương án nghiên cứu mặt hàng mới nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới, cải tiến mẫu mã bao bì thích ứng với thị hiếu nhu cầu của khách hàng.
- Có kế hoạch tuyên truyền giới thiệu các mặt hàng Công ty sản xuất bằng nhiều hình thức như : In tờ rơi, quảng cáo trên truyền hình, báo chí ...
- Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chức năng trong Công ty để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của phòng.

*** Phòng Kinh doanh**

- Có nhiệm vụ nắm bắt các thông tin quan trọng về các mặt hàng, nguồn hàng cần kinh doanh, tiếp thị nhanh chóng với thị trường ở hai đầu đất nước.
- Nắm nhu cầu thị trường về khả năng tiêu thụ sản phẩm, sở thích khách hàng trên cơ sở đó đề xuất phương án nghiên cứu các mặt hàng mới.
- Thực hiện việc giao nhận hàng cho Công ty, là đầu mối tiêu thụ hàng hóa cho Công ty và tham gia đấu thầu cung cấp thuốc, vật tư y tế cho hệ thống bệnh viện; Đấu thầu và cung ứng hàng độc nghiện hướng thần.
- Tham gia xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm của đơn vị: Điều tra khảo sát nhu cầu thị trường trên cơ sở đó đề xuất nghiên cứu mặt hàng mới, cải tiến bao bì chất lượng sản phẩm phù hợp với thị hiếu khách hàng.
- Phối hợp với phòng Kế hoạch xây dựng kế hoạch phân phối sản phẩm: Xây dựng phương án giá, xác định các kênh phân phối, chính sách khuyến mãi và chiết khấu phù hợp.

*** Phòng Kỹ thuật**

- Xây dựng qui trình thao tác chuẩn: Tài liệu sản xuất gốc, qui trình pha chế gốc, qui trình đóng gói gốc và các hồ sơ lô.
- Chỉ đạo sản xuất về mặt kỹ thuật bao gồm: Chỉ đạo Nhà máy GMP thực hiện đúng qui trình, qui phạm sản xuất, đề ra nội qui và qui phạm trong sản xuất. Theo dõi

diễn biến chất lượng sản phẩm sản xuất (phối hợp cùng bộ phận phòng ĐBCL, KTCL)

- Thường xuyên cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất.
- Tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện định mức sản phẩm (bao gồm định mức kinh tế kỹ thuật: Nguyên liệu, vật tư, bao bì)
- Hướng dẫn và giám sát việc thực hiện các nội qui, qui chế Dược chính tại các bộ phận từng quý, xử lý hàng hóa kém, mất phẩm chất.
- Xây dựng và sửa đổi các qui trình sản xuất cho phù hợp với yêu cầu chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật qui định.
- Thẩm định các qui trình sản xuất.
- Tham mưu và xây dựng chương trình quản lý kỹ thuật cho phòng ĐBCL, hạn chế tối đa khả năng vi phạm qui trình kỹ thuật.
- Làm các hồ sơ đăng ký thuốc (đăng ký thuốc mới, đăng ký lại, đăng ký thay đổi sản phẩm ...)
- Xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm (tham gia với phòng KTCL)
- Tham gia công tác huấn luyện theo yêu cầu của phòng ĐBCL
- Quản lý các tài liệu, qui trình kỹ thuật và làm các công tác khác do lãnh đạo yêu cầu.
- Xây dựng kế hoạch tìm hiểu thị trường, nghiên cứu các sản phẩm trên thị trường về mẫu mã chất lượng. Đề xuất nghiên cứu các sản phẩm phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và khả năng thực hiện. Phối hợp với phòng Thị trường và phòng Kế hoạch tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác chiến lược sản phẩm.
- Triển khai nghiên cứu sản phẩm mới theo kế hoạch được duyệt:

  + Nghiên cứu dạng bào chế

  + Nghiên cứu nguyên liệu đưa vào sản xuất

  + Nghiên cứu dạng bao bì đóng gói

  + Nghiên cứu tuổi thọ của thuốc

  + Nghiên cứu điều kiện bảo quản

  + Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá

  + Thiết kế mẫu nhãn, bao bì
- Biên soạn hồ sơ đăng ký mặt hàng mới
- Hướng dẫn triển khai sản xuất các sản phẩm mới, bàn giao qui trình sản xuất cho Nhà máy GMP, ổn định qui trình sản xuất.
- Nghiên cứu các sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí giá thành sản phẩm.
- Nghiên cứu khắc phục sự cố trong quá trình sản xuất.

*** Phòng Đảm bảo chất lượng**

- Quản lý chất lượng toàn diện từ khâu nguyên liệu đầu vào đến khâu thành phẩm xuất xưởng.
- Tổ chức huấn luyện đào tạo về GMP, GSP, GLP:

  + Xác định đối tượng đào tạo

  + Soạn thảo tài liệu và phương pháp đào tạo

  + Lập chương trình đào tạo định kỳ, thường xuyên

  + Tổ chức đánh giá kết quả huấn luyện, đào tạo
- Quyết định cho phép hay không cho phép sử dụng, lưu hành tất cả các nguyên liệu, bao bì đầu vào và các sản phẩm đầu ra.
- Kiểm soát hồ sơ sản phẩm.
- Quyết định cho sản xuất tiếp hay không sản xuất trong trường hợp có sự cố kỹ thuật.
- Lập mạng lưới đảm bảo chất lượng (nhân sự thuộc đơn vị khác nhau nhưng chỉ đạo về nghiệp vụ kỹ thuật)
- Giải quyết các vấn đề khiếu nại về chất lượng sản phẩm, thu hồi sản phẩm.
- Kiểm tra điều tra, ra các quyết định về các sự cố kỹ thuật liên quan đến chất lượng. Tham gia xử lý hàng hoá kém mất phẩm chất.
- Tổ chức đánh giá nội bộ, thanh tra nội bộ. Soạn thảo qui trình thanh tra, kiểm tra. Lập chương trình thanh tra định kỳ, thường xuyên. Lập bảng báo cáo thanh tra
- Quản lý việc thực hiện các qui chế chuyên môn Dược.
- Làm hồ sơ đăng ký xét duyệt GMP, GSP.

*** Phòng Cơ điện**

- Lập hồ sơ thẩm định thiết kế, lắp đặt, vận hành và công suất.
- Lắp đặt thiết bị, máy móc.
- Kiểm định thiết bị chịu áp lực.
- Lập hồ sơ và thực hiện chương trình bảo dưỡng, duy tu máy móc định kỳ, thường xuyên.
- Đảm bảo cung cấp điện, nước, khí nén, không khí sạch phục vụ sản xuất.
- Kiểm tra hệ thống an toàn điện, thiết bị chịu áp lực.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Soạn thảo các qui trình thẩm định, vận hành, bảo trì bảo dưỡng thiết bị máy móc

*** Phòng Kiểm tra chất lượng**

- Kiểm tra các loại phụ liệu, bao bì sản phẩm: Mẫu mã, hình thức, qui cách chất lượng.

- Kiểm nghiệm các loại nguyên liệu và thành phẩm sản xuất
- Theo dõi độ ổn định của thuốc
- Trang bị và pha chế các loại chất chuẩn, thuốc thử, dung môi ... sử dụng cho công tác kiểm nghiệm và kỹ thuật. Pha màu, mùi và các loại dung môi cho sản xuất.
- Hỗ trợ công tác xây dựng tiêu chuẩn cho bộ phận kỹ thuật và nghiên cứu.
- Quản lý các hồ sơ kiểm nghiệm, máy móc thiết bị kiểm nghiệm.
- Kiểm tra kiểm định các máy móc và phương tiện kiểm nghiệm

*** Kho GSP**

- Kiểm, nhập kho nguyên liệu, vật tư, bao bì và thông báo cho phòng KTCL lấy mẫu.
- Xuất nguyên liệu, vật tư, bao bì cho Nhà máy GMP.
- Nhập thành phẩm đạt tiêu chuẩn xuất xưởng và hàng hóa kinh doanh.
- Xuất thành phẩm, hàng hóa theo hóa đơn bán hàng.
- Bảo quản hàng hóa trong kho.
- Theo dõi tồn kho.
- Kiểm kê định kỳ.
- Xây dựng, theo dõi hồ sơ xuất nhập, phân phối.

*** Nhà máy GMP**

- Tổ chức sản xuất theo qui trình sản xuất GMP. Tuyệt đối tuân thủ qui trình qui phạm trong sản xuất. Thực hiện tốt chế độ vệ sinh công nghiệp.
- Ghi chép hồ sơ lô theo qui định.
- Kiểm tra hồ sơ sản xuất đã hoàn chỉnh.
- Gửi hồ sơ sản xuất đã hoàn chỉnh về phòng Đảm bảo chất lượng.
- Xuất thành phẩm đạt tiêu chuẩn về Kho GSP.
- Soạn thảo qui trình vệ sinh : Nhà xưởng, thiết bị, con người
- Tham gia thẩm định qui trình sản xuất mới, thẩm định môi trường sản xuất, thiết bị sản xuất và vệ sinh nhà xưởng.
- Xử lý sự cố trong quá trình sản xuất.

6. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

6.1 Cơ cấu sản phẩm/dịch vụ kinh doanh chính

- Sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, xuất nhập khẩu: Dược phẩm, hóa chất, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng, các chế phẩm sát khuẩn, vật tư và máy móc thiết bị sản xuất Dược phẩm và y tế.

- Đầu tư kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kho, xưởng

6.2 Tình hình sản xuất kinh doanh.

a. Cơ cấu doanh thu

Bảng 1. Bảng Cơ cấu doanh thu năm 2011-2013

Đơn vị: triệu đồng

TT	Sản phẩm (dịch vụ)	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Hoạt động tự sản xuất kinh doanh	36.867	8,53%	59.157	12,32%	72.232	16%
2	Hoạt động kinh doanh thương mại	392.972	90,96%	414.514	86,33%	371.374	82,29%
3	Hoạt động nhập khẩu hàng ủy thác	1.326	0,31%	5.259	1,1%	5.234	1,16%
4	Hoạt động tài chính	308	0,07%	516	0,11%	1.684	0,37%
5	Hoạt động dịch vụ, cho thuê nhà	575	0,13%	680	0,14%	782	0,18%
	Cộng	**432.048**	**100%**	**480.126**	**100%**	**451.306**	**100%**

b. Chi phí sản xuất

Bảng 2. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh năm 2011-2013

Đơn vị : triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn	403.483	93,63%	439.379	91,81%	405.997	90,53%
2	Chi phí bán hàng	13.452	3,12%	21.547	4,5%	24.420	5,45%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.693	2%	12.324	2,58%	13.162	2,93%
4	Chi phí Tài chính	4.276	0,99%	2.950	0,62%	3.851	0,86%
	Chi phí lãi vay	2.548	0,59%	2.133	0,45%	1569	0,35%
5	Chi phí khác	1.035	0,26%	2.347	0,49%	1.033	0,23%
	Cộng	**430.939**	**100%**	**478.547**	**100%**	**448.463**	**100%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011,2012,2013 của Công ty)

- Trong ba năm 2011, 2012, 2013, Cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty đã phấn đấu sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn, bù đắp hoàn toàn lỗ lũy kế tính đến thời điểm cổ phần hóa.
- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Doanh thu duy trì ở mức độ trung bình trên 450 tỷ đồng. Lợi nhuận tăng trưởng qua các năm trung bình trên 30%, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao, các sản phẩm sản xuất và thương mại đều đảm bảo chất lượng, tạo được lòng tin cho khách hàng.
- Về mặt tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động, cho khách hàng và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Về chế độ chính sách đối với người lao động: 100% người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công phù hợp công việc và các chế độ khác theo qui định.
- Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh. Tài sản được giao cho các bộ phận sử dụng được quản lý, sửa chữa bảo dưỡng đúng định kỳ quy định. Không sử dụng tài sản tuỳ tiện, nhiều tài sản đã hết khấu hao vẫn có thể được sử dụng bình thường.

6.3 Tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm 2011, 2012, 2013 trước khi cổ phần hóa:

Một số chỉ tiêu thể hiện tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty 3 năm trước khi cổ phần hoá theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán như sau:

Bảng 3. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011-2013

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng tài sản	136.605.222.967	249.520.873.064	205.009.931.532
2	Vốn Nhà nước	16.804.458.096	16.804.458.096	16.804.458.096
3	Doanh thu thuần	431.714.927.956	479.416.913.477	448.662.508.061
4	Lợi nhuận trước thuế	1.109.052.002	1.578.782.944	2.843.346.396
5	Nộp ngân sách	6.375.009.663	7.297.347.794	6.823.781.721
6	Nợ phải trả	123.352.715.741	234.437.021.918	187.962.644.516
-	*Nợ ngắn hạn*	*119.264.851.409*	*228.225.946.087*	*184.655.020.755*
-	*Nợ dài hạn*	*4.087.864.332*	*6.211.075.831*	*3.307.623.761*
7	Nợ phải thu	63.639.640.757	158.852.570.558	129.566.899.244
8	Hàng tồn kho	48.103.178.216	59.967.321.289	48.652.305.238
9	Lao động (người)	152	150	197
10	Thu nhập bình quân			
11	Lợi nhuận sau thuế	1.109.052.002	1.578.782.944	2.159.779.016
12	ROA	0,81%	0,63%	1,05%
13	ROE	6,60%	9,40%	12,85%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
14	Tỷ số thanh toán nhanh	9,24%	6,86%	7,50%
15	Tỷ số nợ	90,30%	93,95%	91,68%
16	Tỷ suất tự tài trợ	12,30%	6,73%	8,23%
17	Hệ số nợ phải trả/vốn CSH (lần)	7,34	13,95	11,19
18	Vòng quay phải thu khách hàng (Vòng)	8	4	3

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2011, 2012, 2013 của Công ty TNHH MTV Dược TW3 đã được kiểm toán)

Theo số liệu kết quả kinh doanh của Công ty trong 03 năm 2011-2013 nêu trên thì:

- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có sự phát triển ổn định với doanh thu tăng trưởng đều qua các năm. Nếu năm 2011 doanh thu đạt 431,7 tỷ đồng thì năm 2013 doanh thu đã đạt 448,7 tỷ đồng (trong đó lĩnh vực hàng Công ty sản xuất ra có sự tăng trưởng mạnh, đóng góp không nhỏ cho lợi nhuận của Công ty);
- Lợi nhuận sau thuế năm 2013 tăng so với năm 2011 là 94,7% mặc dù hệ quả tồn tại kinh doanh thua lỗ từ các năm trước có bị ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Công ty;
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước của Công ty tăng qua các năm từ 6,6% năm 2011, 9,4% năm 2012 và 12,8% trong năm 2013 (năm 2013 tăng 3,4% so với năm 2012).

Tuy kết quả kinh doanh có nhiều khởi sắc trong 03 năm 2011-2013 nhưng về tình hình tài chính, Công ty cũng gặp những khó khăn nhất định, thể hiện qua các chỉ tiêu phản ánh như sau:

- Tỷ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty qua các năm thấp, chỉ số này cho năm 2013 là 7,5%;
- Tại thời điểm 31/12/2013, tỷ số nợ của công ty chiếm tỷ lệ khá cao 91,68%, Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức khác và chiếm dụng công nợ của khách hàng. Điều này chứng tỏ khả năng tự chủ về tài chính của công ty rất thấp, lệ thuộc vốn vào bên ngoài và chịu áp lực lớn trong thanh toán ngắn hạn. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình hình này là quy mô tài sản của Công ty tăng quá nhanh. Tổng tài sản năm 2013 tăng 50% so với năm 2011, trong khi vốn chủ sở hữu không tăng;
- Tỷ suất tự tài trợ thấp xuống trong thời gian vừa qua đã hạn chế mức tín nhiệm của công ty và khả năng mở rộng tín dụng của công ty trong tương lai kém đi;
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty 03 năm trước cổ phần hóa tương đối lớn, trong đó năm 2012 cao nhất là 13,95 lần, năm 2013 là 11,15 lần, hệ số trên cho thấy công ty đang lệ thuộc vào nguồn vốn tài trợ bên ngoài;
- Vòng quay phải thu khách hàng: Công ty tiếp tục sử dụng đòn bẩy tài chính với độ lớn cao để điều hành tài chính, cũng cho thấy dòng tiền Công ty đang luân chuyển

chậm đối với tiền vào thu hồi nợ chậm. Nếu như năm 2011, Công ty có số vòng thu hồi nợ 8 vòng thời gian thu hồi nợ là 45 ngày, thì năm 2013 số vòng thu hồi nợ ở mức thấp hơn 3 vòng, thời gian thu hồi nợ tính được trong 2013 là 120 ngày. Đây thực sự là thách thức lớn đối với Công ty sau cổ phần hóa. Do Công ty mới đi vào ổn định sản xuất kinh doanh, thị trường tiêu thụ hầu như các năm trước không có, nên công ty phải đẩy mạnh, xúc tiến công tác bán hàng, tạo uy tín, tên tuổi Công ty. Vì vậy việc thu hồi công nợ tương đối chậm, hoạt động sản xuất và tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, đã tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tỷ suất sinh lời từ tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời từ vốn chủ sở hữu (ROE) gần đây đều có xu hướng tăng lên. Việc vay nợ trong những năm gần đây để đảm bảo nguồn tài trợ cho Công ty là vấn đề hợp lý. Với việc sử dụng vốn vay trong hai năm 2012 và 2013 này sẽ làm cho đòn bẩy tài chính có biểu hiện lệ thuộc vào vốn vay nhưng công ty đã hoạt động có hiệu quả thu lại lợi nhuận, giảm mức độ rủi ro tài chính kéo theo khả năng sinh lợi kinh tế của tài sản (ROA) tăng cao.

6.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

- Nguồn vốn kinh doanh thấp, trong đó vốn lưu động không có, Công ty lệ thuộc hoàn toàn vào vốn vay;
- Một số quy định của nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp đến đơn vị như: Quy định về GPS, quy định về đấu thầu, quy định về quản lý chất lượng, nhập khẩu …;
- Khó khăn chung của nền kinh tế đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2013) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 4. Tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị: đồng

STT	Loại tài sản	Theo sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5
A	**TSCĐ ĐANG CẦN DÙNG**	**20.487.117.738**	**11.336.471.830**	**9.150.645.908**
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**20.317.117.738**	**11.232.582.946**	**9.084.534.792**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.990.633.588	2.894.222.246	6.096.411.342
2	Máy móc, thiết bị	10.577.902.216	7.788.353.328	2.789.548.888
3	Phương tiện vận tải	748.581.934	550.007.372	198.574.562
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	-	-	-
5	TSCĐ khác	-	-	-
II	**Tài sản cố định vô hình**	**170.000.000**	**103.888.884**	**66.111.116**
B	**TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG**	**-**	**-**	**-**
C	**TSCĐ CHỜ THANH LÝ**	**1.965.815.185**	**1.759.415.504**	**206.399.681**
1	Máy móc thiết bị	1.407.036.013	1.255.968.041	151.067.972
2	Phương tiện vận tải	558.779.172	503.447.463	55.331.709
D	**TSCĐ HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**	**-**	**-**	**-**
	TỔNG CỘNG	**22.452.932.923**	**13.095.887.334**	**9.357.045.589**

Nhà cửa, vật kiến trúc:

- Nhà cửa, vật kiến trúc tại 115 đường Ngô Gia Tự gồm: Nhà làm việc 2 tầng (diện tích 510,48m^2), phân xưởng sản xuất (nhà 2 tầng, diện tích 882,00m^2), kho thuốc phụ trợ miền Trung (diện tích 1.110,78m^2), kho thuốc công ích khu vực miền Trung (diện tích 756,00m^2), kho cháy nổ (diện tích 43,70m^2), phòng cấp nước (diện tích 18,86m^2), đường nội bộ, cổng ngõ. Tất cả nhà cửa, vật kiến trúc này đều được xây dựng năm 2003 và được đưa vào sử dụng năm 2004. Hiện trạng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2013: Đã sử dụng 10 năm, bê tông có vết bị nứt, lớp trát tường bong tróc, tường có vết nứt, rò nước rêu mốc nhiều.

- Nhà cửa, vật kiến trúc tại 109 Ngô Gia Tự - phường Hải Châu I gồm: Cửa hàng 18 đông dược (diện tích 20,8m^2). Hiện trạng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

31/12/2013: Nhà đã sử dụng 10 năm, bê tông có vết bị nứt, lớp trát tường bong tróc, tường có vết nứt, rò nước rêu mốc nhiều.

- Nhà cửa, vật kiến trúc tại số 80 đường Trần Phú: Khách sạn Vinapha (4 tầng, diện tích 649,00m^2) được mua lại từ năm 1976 làm văn phòng và cho thuê làm khách sạn nhưng đến nay để không. Hiện trạng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2013: Nhà đã cũ, bị hư hỏng nhiều, móng tường trần bị rạn nứt bong tróc, cần sửa lại nhiều mới sử dụng được.

- Vật kiến trúc tại Khu dân cư Thanh Lộc Đán: Chỉ có tường rào. Hiện trạng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: sụp đổ, không còn hiện vật.

Máy móc thiết bị:

- Bao gồm: Hệ thống máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, hệ thống giá kệ, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống điều hóa không khí, thang máy nâng chuyển hàng …

- Phần lớn các máy móc thiết bị này được đầu tư từ lâu (khoảng trên dưới 10 năm). Nhiều máy móc thiết bị đã cũ và lạc hậu, xuất xứ từ Trung Quốc và trong nước nên khả năng sử dụng, hoạt động có nhiều hạn chế. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, 20 mã máy móc thiết bị không sử dụng được, không tính trong giá trị doanh nghiệp và chờ thanh lý .

Phương tiện vận tải:

- Bao gồm: Xe Misubishi Pajero cứu thương 5 chỗ, xe nâng điện Shinko 800kg còn sử dụng được khi chuyển sang Công ty cổ phần. 04 phương tiện vận tải không tính trong giá trị doanh nghiệp, chờ thanh lý gồm: Xe Toyota 12 chỗ, xe nâng tay BT123 (2.5T), xe ô tô tải Isuzu 1.5T, xe DAIHATSU.

2. Thực trạng về đất đai đang sử dụng:

Bảng 5. Tình hình quản lý, sử dụng các lô đất của Công ty

STT	Địa điểm lô đất	Diện tích (m^2)	Giấy tờ pháp lý	Hình thức sử dụng
1	Khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh - Đà Nẵng	1.550,00	Quyết định cho thuê đất số 2741/QĐ-UBND ngày 10/04/2010. Hợp đồng thuê đất số 435/HĐ-TĐ ngày 27/12/2007. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK280473.	Thời hạn thuê: 20 năm kể từ ngày 10/04/2007. Phương thức trả tiền thuê đất hằng năm.
2	Khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh - Đà Nẵng	4.950,00	Quyết định giao đất số 3792/QĐ-UBND ngày 22/05/2007. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM393670.	Thời hạn sử dụng đất: lâu dài. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

STT	Địa điểm lô đất	Diện tích (m^2)	Giấy tờ pháp lý	Hình thức sử dụng
3	Số 115 Ngô Gia Tự - Đà Nẵng	3.778,40	Quyết định số 27098/QĐ-UB ngày 20/11/2003 về việc cho Công ty TNHH MTV Dược TƯ3 thuê đất. Hợp đồng thuê đất số 328-HĐ/TĐ ngày 29/10/2004.	Thời hạn thuê đất: từ 01/01/2003 đến 31/12/2017. Phương thức trả tiền thuê đất hằng năm.
4	Số 109 Ngô Gia Tự - Đà Nẵng	20,80	Quyết định số 7031/QĐ-UBND ngày 15/09/2010 về việc Cho Công ty TNHH MTV Dược TƯ3 thuê đất. Hợp đồng thuê đất số 148/HĐ-TĐ ngày 16/06/2011.	Thời hạn thuê: đến 30/12/2017. Phương thức trả tiền thuê đất hằng năm.
5	Số 80 Trần Phú - Đà Nẵng	157,60	Quyết định số 2920/QĐ-UB ngày 19/10/1996 về việc cho Công ty TNHH MTV Dược TƯ3 thuê đất. Hợp đồng thuê đất số 33/98-HĐTĐ-HC ngày 25/08/1998. Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 11/06/2014 về việc cho phép Công ty TNHH MTV Dược TƯ3 gia hạn thời gian thuê đất và điều chỉnh diện tích đất thuê theo hiện trạng sử dụng tại 80 Trần Phú – Đà Nẵng.	Thời hạn thuê: đến 31/12/2020. Phương thức trả tiền thuê đất hằng năm.
	Tổng	**10.458,90**		

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Dược Trung Ương 3)

3. Thực trạng về tài chính và công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 theo số liệu Báo cáo Tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh ng hiệp ngày 31/12/2013 như sau:

Bảng 6. Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2013

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	
		Giá trị	Quá hạn
I	**Phải thu ngắn hạn**	**129.566.899.244**	**-**
1	Phải thu của khách hàng	126.959.201.440	-
2	Trả trước cho người bán	1.008.624.206	-
3	Các khoản phải thu khác	1.811.244.817	-
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(212.171.219)	-
II	**Phải thu dài hạn**	-	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	-
3	Các khoản phải thu khác	-	-
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
	Cộng	**129.566.899.244**	**-**

Bảng 7. Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2013

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	
		Giá trị	Quá hạn
I	**Nợ ngắn hạn**	**184.655.020.756**	**-**
1	Vay và nợ ngắn hạn	6.904.965.855	-
2	Phải trả cho người bán	138.127.986.965	-
3	Người mua trả tiền trước	15.560.263.252	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	754.441.711	-
5	Phải trả người lao động	1.434.860.966	-
6	Chi phí phải trả	60.000.000	-
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21.782.752.812	-
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	29.749.195	-
II	**Nợ dài hạn**	**3.307.623.761**	**-**
1	Doanh thu chưa thực hiện	3.307.623.761	-

Bảng 8. Nguồn vốn, quỹ tại thời điểm 31/12/2013

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.804.458.096
2	Quỹ đầu tư phát triển	-
3	Quỹ dự phòng tài chính	-
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	242.828.919
5	Nguồn vốn đầu tư XDCB	-

4. Thực trạng về lao động:

Tại thời điểm xác định giá tị doanh nghiệp (31/12/2013), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 197 người, cơ cấu như sau

Bảng 9. Tình hình lao động tại thời điểm 31/12/2013

Tiêu chí	Số lượng người
I- Theo trình độ lao động	**197**
- Trên đại học	2
- Đại học	55
- Trung cấp, cao đẳng	110
- LĐ phổ thông	6
- Công nhân kỹ thuật	24
II - Phân theo HĐ lao động	**197**
- HĐ không xác định thời hạn	98
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	99
- HĐ thời vụ	0
III - Phân theo giới tính	**197**
- Nam	87
- Nữ	110

(Nguồn: Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty TNHH MTV Dược TƯ3)

- Danh sách lao động tại thời điểm phê duyệt giá trị doanh nghiệp (có phụ lục đính kèm)
- Thực trạng lao động của Công ty những năm trước đây cố một số hạn chế: Bộ máy quản lý điều hành, lao động trước kia khá cồng kềnh. Nhân sự lao động thiếu tính chủ động, phụ thuộc vào kế hoạch cấp trên. Sau khi chuyển sang hình thức Công ty TNHH một thành viên, về cơ bản đã có nhiều chuyển biến nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Công ty và tình hình kinh doanh hiện tại.

5. Các tổ chức đoàn thể gồm:

5.1 Đảng bộ Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3:

Đảng bộ Công ty TNHH một thành viên Dược Trung ương 3 được thành lập từ năm 1976, đến thời điểm lập phương án cổ phần hóa, Đảng bộ Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3, có tất cả 34 đảng viên với 04 chi bộ trực thuộc. Trong đó có 18 đảng viên nữ, 01 đảng viên dự bị.

5.2 Chi Đoàn Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3:

Chi đoàn Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 đến thời điểm lập phương án cổ phần hóa, có tất cả 67 đoàn viên, (trong đó có 6 đảng viên và 32 đoàn viên nữ).

5.3 Công đoàn Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3:

Công đoàn Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 đến thời điểm lập phương án cổ phần hóa có tất cả 197 đoàn viên.

6. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Bàn giao lại các tài sản sau cho Tổng Công ty Dược Việt Nam tiếp tục xử lý sau cổ phần hóa:

Bảng 10. Danh sách tài sản bàn giao cho Tổng công ty Dược Việt Nam

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng
I	**Máy móc thiết bị**		
1	Bộ khuôn đóng nang Capsule số 2	chiếc	1
2	Hệ thống nồi cô chiết bằng inox	chiếc	1
3	Khuôn ép vỉ Alu	chiếc	1
4	Khuôn rovacen 1.5, 3MUI	chiếc	1
5	Khuôn đóng nang số 0	chiếc	1
6	Khuôn ép vĩ, chày cối Mg B6	chiếc	1
7	Máy đóng gói dạng bột	chiếc	1
8	Máy điều hòa nhiệt độ	chiếc	1
9	Máy dập viên định hình - Trung Quốc	chiếc	1
10	Máy hút ẩm National	chiếc	1
11	Máy xác định độ ẩm	chiếc	1
12	Máy đóng gói thuốc bột	chiếc	1
13	Máy dập viên Z19 Thượng Hải	chiếc	1
14	Máy dập viên	chiếc	1
15	Máy nén khí PUMA PK 200-500	chiếc	1
16	Máy sấy khô không khí PD20A	chiếc	1
17	Máy trộn lập phương KBC-LP-80	chiếc	1
18	Máy xay búa	chiếc	1
19	Thùng Lạnh Xe Tải	chiếc	1
20	Tủ sấy khô	chiếc	1
II	**Phương tiện Vận tải**		
1	Xe Toyota 12 chỗ	chiếc	1
2	Xe nâng tay BT123 (2.5T)	chiếc	1
3	Xe ô tô tải Isuzu 1.5T	chiếc	1
4	Xe DAIHATSU	chiếc	1

Công ty đã thực hiện quyết toán thuế hết năm tài chính 2012. Công ty sẽ thực hiện kiểm tra, quyết toán các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (các loại thuế, tiền thuê đất..) với cơ quan thuế tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Đối với các khu đất Công ty đang quản lý, sử dụng tại Số 115 Ngô Gia Tự - Đà Nẵng; Số 109 Ngô Gia Tự - Đà Nẵng, số 80 Trần Phú - Đà Nẵng, 02 lô đất tại khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh - Đà Nẵng, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục có liên quan trước khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Căn cứ Công văn số 752/TTg-DMDN ngày 04/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Y tế giai đoạn 2011 – 2015;
- Căn cứ Quyết định số 4917/QĐ-BYT ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 (Ban chỉ đạo cổ phần hóa);
- Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-BCĐCPH ngày 19/12/2013 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 về việc thành lập Tổ giúp việc triển khai công tác cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3;

- Căn cứ Hợp đồng xác định giá trị doanh nghiệp số 11/2014/DVĐG-AASC.KT7 ngày 25 tháng 03 năm 2014 giữa Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về việc Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2013 của Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3.
- Căn cứ Hợp đồng tư vấn số 695/2014/DVĐG-AASC.KT7 ngày 21 tháng 07 năm 2014 giữa Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về việc Tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3.
- Căn cứ Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 tại thời điểm 31/12/2013 được lập bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Căn cứ Quyết định số 2834 /QĐ-BYTngày 31/07/2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 để chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Công văn số 3956/UBND-QLĐTh ngày 13/05/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 khi chuyển sang công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 11/06/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng Về việc cho phép Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 gia hạn thời gian thuê đất và điều chỉnh diện tích đất thuê theo hiện trạng sử dụng tại 80 Trần Phú, Đà Nẵng.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 gồm:

- Chuyển hình thức từ DNNN thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính , năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần ;
- Huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong đơn vị hiện nay , các cá nhân, tổ chức kinh tế để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu , tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai với phương châm : "Duy trì các mặt hoạt động truyền thống + Phát triển bền vững + Tăng thu nhập";
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông .

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty luôn nhận được sự được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của Tổng công ty Dược Việt Nam & Bộ Y tế nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 tương đối phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh dưới mô hình công ty cổ phần;
- Lãnh đạo Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho CBCNV đã được thực hiện;
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện sự đồng thuận trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

4. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ vào Quyết định số 2834/QĐ-BYT ngày 31 tháng 07 năm 2014 của Bộ Y tế, về việc: Phê duyệt giá trị thực tế của Công ty TNHH MTV Dược TW 3 để cổ phần hóa (thời điểm ngày 31/12/2013) và Hồ sơ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2013 của Công ty TNHH MTV Dược TW 3 giá trị thực tế cụ thể như sau:

Bảng 11. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tài thời điểm 31/12/2013

TT	Tên tài sản	Số liệu sổ sách	Số liệu đánh giá lại	Chênh lệch
1	2	4	5	6 = 5-4
A	**Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)**	**204.803.531.851**	**205.708.383.710**	**904.851.859**
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	9.601.070.790	11.401.503.014	1.800.432.224
1	*Tài sản cố định*	*9.150.645.908*	*10.793.161.644*	*1.642.515.736*
3	*Tài sản dài hạn khác*	*450.424.882*	*608.341.370*	*157.916.488*
II	Tài sản ngắn hạn	195.202.461.061	193.664.303.015	(1.538.158.046)
1	Tiền	13.930.874.248	*13.930.789.801*	*(84.447)*
2	Các khoản phải thu	129.566.899.244	*128.028.825.645*	*(1.538.073.599)*
3	*Hàng tồn kho*	*48.100.765.354*	*48.100.765.354*	-
4	*Tài sản ngắn hạn khác*	*3.603.922.215*	*3.603.922.215*	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	642.577.681	642.577.681
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	**Tài sản không cần dùng**	-	-	-
I	Tài sản dài hạn	-	-	-

TT	Tên tài sản	Số liệu sổ sách	Số liệu đánh giá lại	Chênh lệch
II	Tài sản ngắn hạn	-	-	-
C	**Tài sản chờ thanh lý**	**206.399.681**	**206.399.681**	-
I	Tài sản dài hạn	206.399.681	206.399.681	-
1	Tài sản cố định	206.399.681	206.399.681	-
D	**Tài sản hình thành từ Quỹ khen thưởng, Phúc lợi**	-	-	-
	Tổng Giá trị Tài sản của Doanh nghiệp (A+B+C+D)	**205.009.931.532**	**205.914.783.391**	**904.851.859**
	Tổng Giá trị thực tế của Doanh nghiệp (MỤC A)	**204.803.531.851**	**205.708.383.710**	**904.851.859**
E	**Nợ thực tế phải trả**	**187.962.644.517**	**187.955.727.109**	**(6.917.408)**
	Tổng Giá trị thực tế phần vốn NN tại Doanh nghiệp (A-E)	**16.840.887.334**	**17.752.656.601**	**911.769.267**

Như vậy: Giá trị thực tế tài sản đang dùng của Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 xác định lại tại thời điểm 31/12/2013 là **205.708.383.710 đồng.**

(Bằng chữ: Hai trăm lẻ năm tỷ, bảy trăm linh tám triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm mười đồng)

Trong đó:

- Giá trị phần vốn của Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 là: **17.752.656.601 đồng.**

(Bằng chữ: Mười bảy tỷ, bảy trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm linh một đồng)

- Giá trị quyền sử dụng đất: Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 chọn hình thức thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị tài sản cố định không cần dùng không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị ghi trên sổ sách) là: 0 đồng.
- Giá trị tài sản cố định chờ thanh lý không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị ghi trên sổ sách) là: 206.399.681 đồng.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Theo điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần có quy định các hình thức cổ phần hóa như sau:

a. Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

b. Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

c. Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của Công ty TNHH MTV Dược TW3, Công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản b, điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Cụ thể : "*Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp*"

2. Thông tin doanh nghiệp cổ phần

2.1. Tên gọi, địa chỉ của Công ty cổ phần

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**
- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**
- Tên tiếng Anh: **Central Pharmaceutical Joint Stock Company No.3**
- Tên giao dịch: CETECOUS
- Tên viết tắt: CPC3
- Trụ sở đăng ký của Công ty là: 115 Ngô Gia Tự, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Logo: CETECO US
- Điện thoại: 05113830202 Fax: 05113822767
- E-mail: ceteco.us2013@yahoo.com
- Website: www.duoctw3.com

Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.2. Ngành nghề kinh doanh Công ty (dự kiến):

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: Dược phẩm, hóa chất, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng, các chế phẩm sát khuẩn, vật tư và máy móc thiết bị y tế.
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kho, xưởng.
- Bán buôn, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, nguyên liệu, mỹ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin và sinh phẩm y tế.

- Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

2.3. Hình thức pháp lý:

Sau khi cổ phần hoá, Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty:

3.1. Quyền hạn của Công ty

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH một thành viên Dược Trung ương 3 chuyển sang.
- Công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Công ty có các quyền về quản lý tài chính.

3.2. Nghĩa vụ của Công ty

- Công ty kế thừa các nghĩa vụ của Công ty TNHH một thành viên Dược Trung ương 3 chuyển sang.
- Công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần và các quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

4.1. Vốn điều lệ

Căn cứ theo tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty là 17.752.656.601 đồng.

Để thực hiện SXKD bình thường đồng thời đảm bảo được quyền lợi của các cổ đông, cũng như quản lý, phát triển được nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty đề xuất Vốn điều lệ của Công ty cổ phần được cơ cấu như sau:

- Vốn điều lệ: 17.500.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ năm trăm triệu đồng)*
- Tổng số cổ phần phát hành: 1.750.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Phương thức phát hành: Thực hiện bán đấu giá công khai trước khi bán cho Nhà đầu tư chiến lược.

4.2. Cơ cấu vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần của các Cổ đông

Căn cứ Công văn số 752/TTg-DMDN ngày 04/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Y tế giai đoạn 2011 - 2015, căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh trong những năm qua và tình hình sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo, Công ty dự kiến cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần như sau:

- **Cơ cấu vốn điều lệ**

Bảng 12. Cơ cấu vốn điều lệ

STT	Cổ đông	Vốn điều lệ là 17.500.000.000 đồng		
		Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	1.137.500	11.375.000.000	65,00%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm công tác (danh sách kèm theo)	142.700	1.427.000.000	8,15%
3	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm cam kết làm việc (danh sách kèm theo)	98.200	982.000.000	5,61%
4	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược (số dự kiến)	185.800	1.858.000.000	10,62%
5	Cổ phần bán đấu giá công khai	185.800	1.858.000.000	10,62%
	Tổng Cộng	**1.750.000**	**17.500.000.000**	**100%**

5. Loại cổ phần và phương thức phát hành

5.1. Loại cổ phần

- Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (số cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết).
- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5.2. Phương thức phát hành

5.2.1. Bán đấu giá công khai

- **Quy mô chào bán**

  Số lượng cổ phần Công ty chào bán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai là **185.800 cổ phần**, tương ứng với **10,62%** vốn điều lệ của Công ty Cổ phần.

- **Đối tượng tham gia đấu giá và cơ quan thực hiện bán cổ phần**

- Đối tượng tham gia đấu giá công khai: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Địa điểm tổ chức bán cổ phần lần đầu: Trụ sở Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3.
- Đơn vị thực hiện đấu giá: Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình.

Xác định giá khởi điểm

Giá khởi điểm xác định tại thời điểm chào án cổ phần ra công chúng trên cơ sở:

- Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Dược Trung ương 3 được phê duyệt tại Quyết định số 2834/QĐ-BYT ngày 31 tháng 07 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế;
- Tình hình hoạt động và tiềm năng phát triển của Công ty trong tương lai;
- Đánh giá tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa;

Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, giá khởi điểm Công ty đề xuất là 10.000 đồng/cổ phần. Giá khởi điểm chính thức sẽ được xác định theo quyết định của Bộ Y tế.

5.2.2. Chào bán ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn

Quy mô chào bán

Số lượng cổ phần Công ty bán ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn là **240.900 cổ phần**, tương ứng với **13,76%** vốn điều lệ của Công ty Cổ phần.

Mục tiêu chào bán

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Công ty, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động với giá trị của Công ty và tạo động lực cho người lao động gắn bó tương lai với Công ty.

Hình thức chào bán

Cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên thực hiện thông qua 2 hình thức sau:

Chào bán cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Số cổ phần CBCNV trong Công ty được mua theo theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ được tính là tối đa 100 cổ phần cho 1 năm làm việc trong khu vực Nhà nước, giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

- Tổng số CBCNV của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 197 người.
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn làm việc trong khu vực Nhà nước là: 164 người.
- Tổng số năm công tác của toàn bộ CBCNV được mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước là: 1.498 năm (bao gồm số năm làm việc trong khu vực nhà nước của CBCNV nghỉ dôi dư theo chế độ đã được hưởng các chế độ chính sách trước khi Công ty chuyển sang mô hình công ty cổ phần), số năm CBCNV đăng ký mua theo

tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước là: 1.427 năm (kèm theo bảng tổng hợp danh sách người lao động mua cổ phần)

(Danh sách CBCNV đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi tại thời điểm công ty chuyển sang Công ty cổ phần xem chi tiết tại phụ lục kèm theo).

- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định này là **142.700 cổ phần**, chiếm **8,15%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

- Giá bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của đấu giá công khai.

- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV sẽ được thực hiện trước khi bán cho nhà đầu tư chiến lược.

Chào bàn cổ phần cho CBCNV có đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

- Tổng số cổ phần chào bán thêm cho cán bộ nhân viên có đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty là : **982.000.000 đồng** chiếm **5,61%** vốn điều lệ.

- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 2b Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là giá đấu thành công thấp nhất của đấu giá công khai.

- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV sẽ được thực hiện trước khi bán cho nhà đầu tư chiến lược.

- Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa: không có.

5.2.3. Chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

- **Quy mô chào bán**

Số lượng cổ phần Công ty chào bán cho nhà đầu tư chiến lược là **185.800 cổ phần**, tương ứng với **10,62%** vốn điều lệ của Công ty Cổ phần.

- **Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược**

Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thuốc và kinh doanh, xuất nhập khẩu: Dược phẩm - Thực phẩm chức năng, các chế phẩm sát khuẩn, vật tư thiết bị y tế, bao gồm các sản phẩm chủ yếu: Thuốc giảm đau, hạ sốt, kháng viêm, dị ứng; Thuốc kháng sinh; Thuốc tiêu hóa; Vitamin và khoáng chất; Sản phẩm hỗ trợ điều trị.

Hiện nay, do suy thoái kinh tế, Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 đang gặp rất nhiều khó khăn về vốn để mở rộng, phát triển sản xuất theo hướng đột phá. Bên cạnh đó, tình hình tiêu thụ sản phẩm sản xuất chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ những đơn vị đã Cổ phần hóa trước. Chính vì vậy, Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 lựa chọn nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư trong nước có uy tín, có năng lực tài chính, có khả năng phát triển thị trường, có sự cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty cổ phần và có khả năng hỗ trợ công ty cổ phần trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: Hỗ trợ vốn, Chuyển giao công nghệ mới, hiện đại; Phát triển mạng lưới khách hàng tiêu thụ sản phẩm; Nâng cao năng lực quản trị tài chính; Quản lý, đào tạo nguồn nhân lực; Cung ứng nguyên vật liệu đặc biệt là nguyên liệu sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng.

- **Tiêu chí lựa chọn**

- Là nhà đầu tư trong nước hoạt động trong lĩnh vực: Cung ứng nguyên vật liệu về sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng; Sản xuất các loại dược phẩm, thực phẩm chức năng; Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, thực phẩm chức năng, vật tư y tế.

- Có thời gian hoạt động tối thiểu 03 năm.

- Có năng lực tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:
  - Có mạng lưới phân phối, mạng lưới khách hàng rộng;
  - Có tổng tài sản tối thiểu 10 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013;
  - Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 05 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013;
  - Chứng minh có đủ nguồn vốn góp;
  - Có lợi nhuận sau thuế dương trong ba năm 2011, 2012 và 2013 và không có nợ xấu.

- Có cam kết bằng văn bản về việc mua hết số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.

- Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty cổ phần, hỗ trợ Công ty cổ phần về vốn, công nghệ, thị trường.

- Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Không thực hiện các giao dịch nào với Công ty cổ phần dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của Công ty cổ phần.

- **Hồ sơ nhà đầu tư chiến lược**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao hợp lệ).
- Bản cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 và hỗ trợ Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 sau cổ phần hóa.
- Hồ sơ năng lực của tổ chức: Báo cáo tài chính năm 2011, 2012 và 2013.

- **Phương án thức thực hiện và xác định giá bán:**

- Phương thức thực hiện: Việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện sau khi bán đấu giá công khai và bán cho người lao động. Thực hiện bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận trực tiếp.
- Giá bán:
  - Trong trường hợp đấu giá: Giá khởi điểm là giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
  - Trong trường hợp thỏa thuận trực tiếp: Giá bán là giá thỏa thuận giữa nhà đầu tư chiến lược, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và Doanh nghiệp nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai

Quy trình bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

Để tham gia mua cổ phần, nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm vào tài khoản phong tỏa của công ty tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đấu giá theo quy định tại Quy chế bán đấu giá. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

Trên cơ sở danh sách các nhà đầu tư chiến lược đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn được cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần hóa xây dựng phương án và tổ chức bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược theo các nguyên tắc sau:

+ Trường hợp có tối đa 03 nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần, nếu số cổ phần các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho nhà đầu tư chiến lược thì phải tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành; nếu số cổ phần các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán ra cho nhà đầu tư chiến lược thì Bộ Y tế ủy quyền cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa tiến hành thỏa thuận về số cổ phần bán ra, giá bán cổ phần.

+ Trường hợp có trên 03 nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa phải xây dựng quy chế tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định.

- Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thông qua hình thức đấu giá phải đảm bảo nguyên tắc lựa chọn nhà đầu tư có giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đủ số lượng cổ phần bán ra nhưng tối đa không quá 03 nhà đầu tư và phải đảm bảo giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai. Căn cứ kết quả của cuộc đấu giá, cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn.

- Thanh toán tiền mua cổ phần:
  - Trong trường trường hợp đấu giá: Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả bán đấu giá, nhà đầu tư chiến lược phải thanh toán tiền mua cổ phần còn lại.
  - Trong trường hợp thỏa thuận trực tiếp: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua bán cổ phần, nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua cổ phần còn lại.

- Sau khi có quyết định chuyển tên thành tên công ty cổ phần, trong vòng 60 ngày Công ty cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

6. Phương án xử lý số lượng cổ phần không bán hết

- Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:
  - Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
  - Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.
  - Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

- Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

- Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

- Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

7. Phương án đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán

Theo quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-TTG ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

8. Chi phí cổ phần hóa

Tổng giá trị tài sản của Công ty TNHH MTV Dược Trung Ương 3 tại thời điểm 31/12/2013 theo sổ sách kế toán (đã được kiểm toán Nhà nước) là: **205.009.931.532 đồng**. Do đó, theo quy định tại Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, chi phí cổ phần hóa của Công ty dự kiến là: 500.000.000 đồng, bao gồm các khoản chi phí (có biểu chi tiết kèm theo):

Bảng 13. Chi phí cổ phần hóa dự kiến

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
A	**Các khoản chi trực tiếp tại đơn vị**	**208.500.000**
	- Chi công bố thông tin về doanh nghiệp, Đăng báo	30.000.000
	- Chi phí tổ chức bán cổ phần	100.000.000
	- Chi phí đại hội cổ đông	30.000.000
	- Chi phí khác phục vụ công tác cổ phần (kiểm kê, hội họp, in ấn…)	48.500.000
B	**Chi phí kiểm toán**	**65.000.000**
C	**Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp**	**82.500.000**
D	**Chi phí tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa, điều lệ**	**44.000.000**
E	**Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ giúp việc**	**100.000.000**
	Cộng	**500.000.000**

9. Quản lý và sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

- Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ bán cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính

- Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty CP Dược TW 3 Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính ***giả sử tất cả số cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần và giá đấu bình quân là 10.000đ/ cổ phần***, chi tiết như sau:

Bảng 14. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần hóa

STT	KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NSNN		SỐ TIỀN (đồng)
1	**Vốn điều lệ công ty cổ phần**	**(a)**	**17.500.000.000**
2	**Vốn nhà nước thực tế sau đánh giá lại**	**(b)**	**17.752.656.601**
3	**Thu tiền từ bán cổ phần hóa**	**(c)**	**5.554.200.000**
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		1.838.200.000
	- Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước		856.200.000
	- Mua theo đăng lý cam kết làm việc lâu dài tại công ty		982.000.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho Công đoàn		0
3.3	Thu tiền từ bán cho cổ đông chiến lược/bán đấu giá ra bên ngoài		3.716.000.000

4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, công đoàn, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	6.125.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần Nhà nước		11.375.000.000
6	Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại Công ty mẹ	(e)=(a)–(b)	-252.656.601
7	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	(f)	500.000.000
8	Chi phí giải quyết đối với lao động dôi dư	(g)	971.144.016
9	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng với tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/vốn điều lệ		0
10	**Tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại Công ty mẹ (10) = (3) - (6) –(7)-(8)**		**4.335.712.585**

Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam sẽ được thực hiện theo kết quả thực tế bán cổ phần để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3.

10. Phương án sử dụng lao động

Để nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần; Căn cứ vào hiện trạng và nhu cầu sử dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần, phù hợp với các quy định của Pháp luật về lao động, Công ty dự kiến phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa như sau:

Bảng 15. Phương án sử dụng lao động

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN (31.07.2014)**	**197**
1	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	98
2	- Lao động làm việc theo HĐLĐ từ đủ 03 đến 36 tháng	99
3	- Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc công việc dưới 3 tháng	-
II	**Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**	**14**
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	8
	- Nghị định 152/2006/NĐ- CP	-
	- Nghị định 91/2010/NĐ – CP	8
2	Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động chia ra	-
	- Hết hạn hợp đồng lao động	-
	- Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	-
	- Lý do theo quy định của pháp luật	-
3	Lao động chờ nghỉ việc theo QĐ của Giám đốc	-

STT	Nội dung	Tổng số
4	Lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	6
	- Lao động thực hiện theo nghị định 91/2010/NĐ-CP	
	- Số lao động thực hiện nghị định 132/2007/NĐ-CP	-
	- Số lao động thực hiện theo Bộ luật lao động	6
III	**Số lao động còn hạn HĐLĐ chuyển sang công ty cổ phần**	**183**
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	183
2	Số lao động nghỉ theo 3 chế độ BHXH chia ra	-
	- Ốm đau	-
	- Thai sản	-
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	-
3	Số lao động tạm hoãn hợp đồng lao động	-
	- Nghĩa vụ quân sự	-
	- Nghĩa vụ công dân khác	-
	- Bị tạm giam, tạm giữ	-
	- Do 2 bên thỏa thuận, không quá 3 tháng	-

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3)

Trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động, căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, Công ty dự kiến cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần như sau:

10.1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần: 183 người, chi tiết theo bảng sau: (đính kèm mẫu số 2).

Bảng 16. Cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
*** Theo trình độ lao động**	**183**	**100%**
- Trên đại học	2	1,09%
- Đại học Dược	19	10,38%
- Đại học khác	34	18,58%
- Cao đẳng	14	7,65%
-Trung cấp Dược	72	39,34%
-Trung cấp khác	12	6,56%
-Dược tá, YS	8	4,37%
- LĐ phổ thông, Công nhân kỹ thuật	22	12,02%
*** Phân theo HĐ lao động**	**183**	**100%**

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
- HĐ không xác định thời hạn	84	45,90%
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	99	55,10%
- HĐ thời vụ	0	-
*** Phân theo giới tính**	**183**	**100%**
- Nam	83	45,36%
- Nữ	100	54,64%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3)

10.2. Chính sách đối với người lao động khi làm việc ở công ty cổ phần:

Các chính sách về lao động của Công ty trong giai đoạn 2015 - 2017 có những điểm chính sau:

- Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc (nhưng không thấp hơn lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định hàng năm.)
- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước.
- Về tiền thưởng: theo quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.
- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.
- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của Công ty.

11. Chính sách giải quyết lao động dôi dư

Công ty TNHH MTV Dược Trung Ương 3 áp dụng theo Thông tư 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ lao động thương binh và xã Hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên.

Tại thời điểm sắp xếp chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dược Trung Ương 3, số lao động nghỉ hưu trước tuổi là 08 người lao động (mẫu số 7), lao động không có nhu cầu sử dụng là 06 người lao động (mẫu số 9).

Phương án giải quyết:

- 08 người lao động thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn sẽ thực hiện nghỉ hưu trước tuổi và được hưởng các chế độ theo quy định tại Nghị định 91/2010/NĐ-CP và Thông tư 38/2010/TT-BLĐTBXH;

- 06 người lao động thực hiện hợp đồng không xác định thời hạn sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc làm theo quy định tại Bộ Luật lao động số 10/2010/QH13.
- Theo điểm d khoản 2 điều 7 Thông tư 38/2010/TT-BLĐTBXH, việc chốt thời gian tính chế độ cho người lao động dôi dư, chốt sổ bảo hiểm xã hội, việc tính chế độ dôi dư cho người lao động được thực hiện tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (30/07/2014). Tổng mức hỗ trợ dự kiến người lao động dôi dư được hưởng tính đến thời điểm ngày 31/07/2014 là: **971.144.016 đồng**, bao gồm:

a) Đối tượng đang thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn sẽ thực hiện nghỉ hưu trước tuổi và được hưởng các chế độ theo quy định (08 người) là: 478.797.966 đồng, cụ thể:

+ Trợ cấp theo thời gian nghỉ hưu trước tuổi : 148.745.830 đồng

+ Trợ cấp 20 năm đầu có đóng BHXH : 150.116.067 đồng

+ Trợ cấp từ năm 21 trở đi có đóng BHXH : 179.936.069 đồng

b) Đối tượng thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn hưởng trợ cấp mất việc làm và được hưởng các chế độ theo quy định (06 người) là: 492.346.050 đồng, cụ thể:

+ Trợ cấp theo thâm niên làm việc : 344.548.050 đồng.

+ Trợ cấp đi tìm việc làm : 147.798.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 42, Nghị định 59/2011/NĐ-CP và điểm a , khoản 3, Điều 11 Thông tư 196/2011/TT-BTC thì " Số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo chế độ nhà nước quy định và quyết định của cơ quan có thẩm quyền". Toàn bộ phần kinh phí giải quyết cho người lao động dôi dư : **971.144.016 đồng,** kiến nghị Nhà nước hỗ trợ chi trả từ nguồn thu bán cổ phần lần đầu.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 về nguồn kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu:

"1. Đối với công ty thực hiện cổ phần hóa, bán doanh nghiệp, nguồn kinh phí để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư lấy từ tiền bán cổ phần lần đầu, bán doanh nghiệp. Trường hợp không đủ thì được bổ sung từ:

a) Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đối với công ty trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; toàn bộ tổng công ty, toàn bộ tập đoàn, công ty mẹ."(điểm b khoản 1 điều 42 Nghị định 59//2011/NĐ-CP)

b) Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010. Về trách nhiệm chi trả các chế độ đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu:

"1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu chịu trách nhiệm giải quyết chế độ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị định này và chế độ thôi việc, mất việc làm theo quy định của Bộ luật lao động cho người lao động không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định này từ Quỹ Dự phòng trợ cấp mất việc làm. Trường hợp không đủ thì được hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này."

Do đó nguồn kinh phí chi trả cho người lao động (14 người) dự kiến là: **971.144.016 đồng**. Đề nghị Nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí trên. *Trong đó:*

- Tiền thu từ tiền bán cổ phần lần đầu (Các chế độ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, các điểm b, c và d khoản 4 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Nghị định 91/2010/NĐ-CP) chi trả là: **971.144.016** đồng.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc của Công ty năm 2013 là: 0 đồng.

12. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành

12.1. Cơ cấu sắp xếp lại các bộ phận trong doanh nghiệp:

Sắp xếp lao động theo mô hình tổ chức mới là một trong các biện pháp để Công ty tập trung điều hành sản xuất đạt hiệu quả cao hơn, giảm chi phí hành chính, và các chi phí khác…; góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý kinh doanh, tăng năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần.

Căn cứ các chỉ tiêu đã được nêu ra trong phương án SXKD 3 năm (2014, 2015 đến 2016) và các mục tiêu giải pháp đã phân tích ở trên; giữ nguyên bộ máy tổ chức sản xuất như cũ, được biên chế, theo mô hình mới như sau:

<u>Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của Công ty sau cổ phần hóa:</u>

- Hội đồng Quản trị : 05 người
- Ban Điều hành : 03 người
  - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc 01 người
  - Phó Tổng Giám đốc kế hoạch sản xuất 01 người
  - Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng 01 người
- Ban kiểm soát : 03 Người
- Các Phòng chức năng:
- Phòng Tổ chức Hành chính 05 người
- Phòng Kế toán 06 người
- Phòng Tài chính 03 người
- Phòng Kế hoạch 03 người
- Phòng Kinh doanh 13 người
- Phòng Bán hàng 37 người
- Phòng Kỹ thuật 05 người
- Phòng Đảm bảo chất lượng 09 người
- Phòng Cơ điện 06 người
- Phòng Kiểm tra chất lượng 06 người
- Kho GSP 07 người

- Nhà máy GMP 48 người
- Nhà thuốc 10 người
- Chi nhánh Công ty tại Tp Hồ Chí Minh 08 người
- Chi nhánh Công ty tại Tp Hà Nội 22 người

Sơ đồ tổ chức công ty

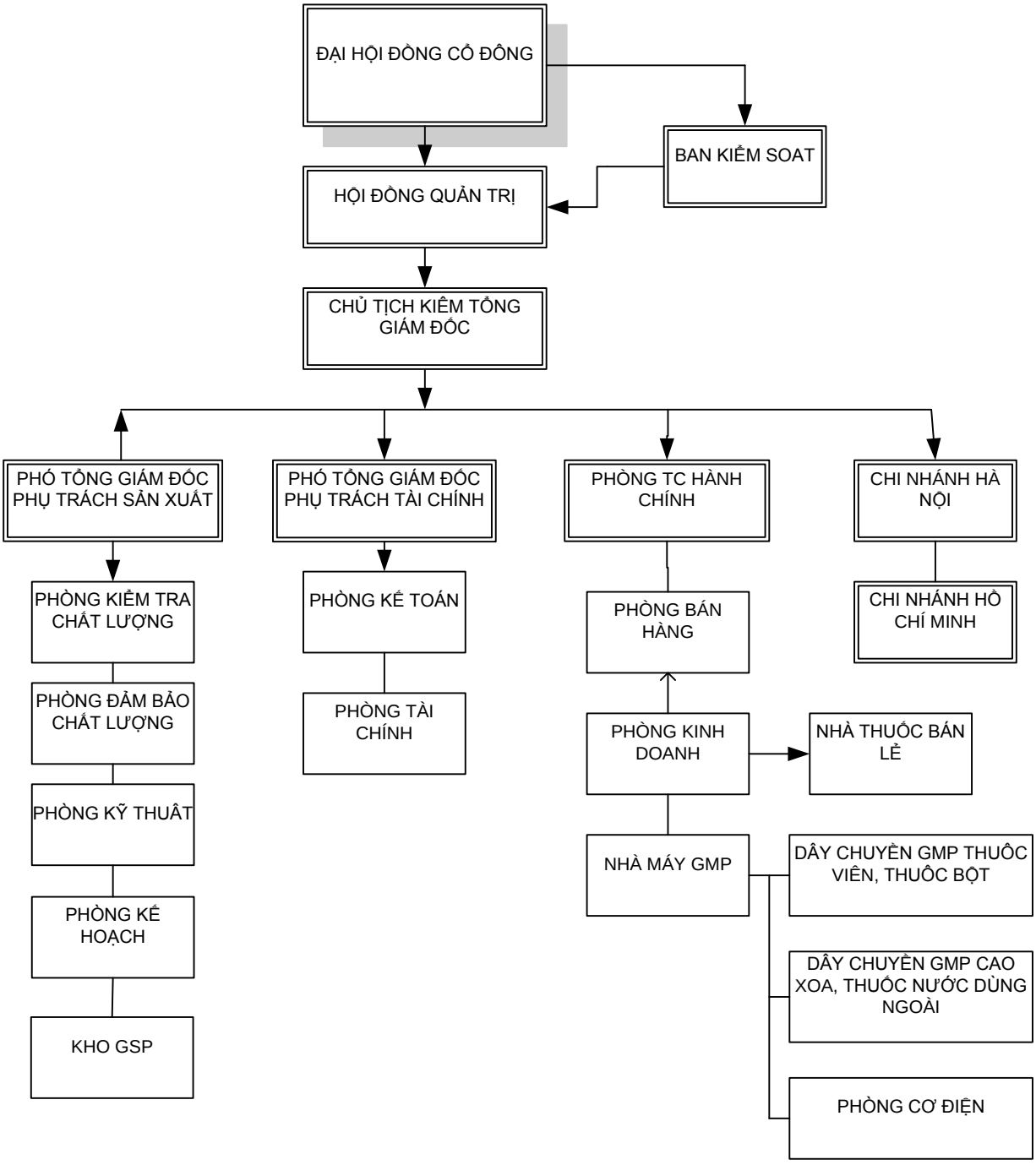

12.2. Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần như sau:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị: 05 người (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 3 ủy viên HĐQT)
- Ban kiểm soát: 03 người (Trưởng ban, 02 ủy viên)
- Ban Tổng Giám đốc: 03 người (Tổng Giám đốc điều hành; 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế hoạch sản xuất; 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính – Kế toán).

12.3. Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành công ty

- Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

- Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm tra nội bộ của Công ty.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty dự kiến có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- Ban Tổng Giám đốc:

Gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc chuyên môn. Ban Tổng Giám đốc công ty dự kiến 3 người gồm 1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc.

- Các phòng nghiệp vụ:

*** Phòng Tổ chức - Hành chính**

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác tổ chức cán bộ.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Tổ chức thực hiện các công việc trong lĩnh vực quản trị hành chính.
- Quản lý và lưu trữ hồ sơ CBCNV.
- Tham mưu và xây dựng bộ máy tổ chức quản lý, bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Làm thủ tục tiếp nhận, chuyển giao, thành lập, sát nhập và giải thể các đơn vị, phòng ban trực thuộc khi có quyết định của Công ty và cấp trên.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc quyết định điều động, sắp xếp, bố trí, tuyển dụng, tiếp nhận và thuyên chuyển CBCNV theo phân cấp quản lý.
- Tổ chức triển khai việc xếp hạng, chuyển hạng doanh nghiệp, làm thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận hạng Doanh nghiệp.
- Lập kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo , bồi dưỡng. Tổ chức thi nâng ngạch , nâng bậc lương cho CBCNV theo đúng Điều lệ Công ty.
- Tổ chức nghiên cứu xây dựng và sửa đổi, bổ sung nội quy lao động, quy chế tổ chức, quy chế tiền lương, tiền thưởng v.v...
- Kiểm tra các đơn vị thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, tình hình chấp hành luật lao động.
- Giải quyết các thủ tục về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu, tại nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, giám định khả năng lao động.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và ký thoả ước lao động tập thể.

*** Phòng Tài chính:**

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về kế hoạch tài chính công ty cùng với phòng kế toán.
- Nhu cầu về vốn và nguồn vốn của công ty và bên ngoài
- Điều hành dòng tiền phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh.
- Huy động các nguồn vốn phục vụ công tác đầu tư cho công ty và đầu tư ra bên ngoài.
- Nghiên cứu và áp dụng các văn bản pháp luật mới về công tác tài chính, kế toán, thống kê đảm bảo đúng quy định của nhà nước.

*** Phòng Kế toán :**

- Phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật. Theo dõi tình hình biến động và số hiện có về các loại vốn bằng tiền, tài sản, vật tư, và nguồn hình thành tài sản của Công ty.
- Phân tích các số liệu hạch toán kế toán và đề xuất các biện pháp tối ưu nhằm giúp lãnh đạo đề ra những quyết định đúng cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức hạch toán theo từng phần hành kế toán nhằm theo dõi chi tiết mọi nguồn vốn phát sinh của Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban nghiên cứu quy trình lập, luân chuyển chứng từ kế toán một cách hợp lý phục vụ cho công tác hạch toán kế toán đồng thời tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ kế toán đảm bảo đầy đủ, cẩn trọng theo đúng quy định của Luật kế toán.
- Tổng hợp số liệu kế toán chi tiết các phần hành để lập báo cáo tài chính một cách chính xác kịp thời. Đảm bảo phản ánh trung thực tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cuối mỗi kỳ kế toán (thường là quý, năm). Thực hiện nộp báo cáo tài chính đúng theo qui định.
- Tổ chức công tác đối chiếu, đôn đốc thu hồi công nợ, đặc biệt là nợ phải thu, giảm thiểu tối đa vốn bị chiếm dụng, tăng khả năng thanh toán nhanh bằng tiền của Công ty.
- Nghiên cứu và áp dụng các văn bản pháp luật mới về công tác kế toán, thống kê đảm bảo đúng quy định của nhà nước.

*** Phòng Kế hoạch**

- Xây dựng kế hoạch phát triển công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Theo dõi giám sát việc thực hiện kế hoạch đó.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch. Đưa ra giải pháp, biện pháp để giúp bộ phận chức năng, đầu mối hoàn thành nhiệm vụ, cải tiến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý, 6 tháng đầu năm, cuối năm giúp Ban Tổng Giám đốc trong việc thống kê, báo cáo số liệu sản xuất kinh doanh và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.
- Theo dõi, thống kê phân tích tình hình biến động của thị trường trong lĩnh vực doanh nghiệp hoạt động, báo cáo Ban Tổng Giám đốc để có những quyết định kịp thời trong điều hành quản lý doanh nghiệp.

*** Phòng Kinh doanh**

- Có nhiệm vụ nắm bắt các thông tin quan trọng về các mặt hàng, nguồn hàng cần kinh doanh, tiếp thị nhanh chóng với thị trường ở hai đầu đất nước.
- Nắm nhu cầu thị trường về khả năng tiêu thụ sản phẩm, sở thích khách hàng trên cơ sở đó đề xuất phương án nghiên cứu các mặt hàng mới.
- Thực hiện việc giao nhận hàng cho Công ty, là đầu mối tiêu thụ hàng hóa cho Công ty và tham gia đấu thầu cung cấp thuốc men, vật tư y tế cho hệ thống bệnh viên, Đấu thầu và cung ứng hàng độc nghiện hướng thần.
- Tham gia xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm của đơn vị: điều tra khảo sát nhu cầu thị trường trên cơ sở đó đề xuất nghiên cứu mặt hàng mới, cải tiến bao bì chất lượng sản phẩm phù hợp với thị hiếu khách hàng.

- Phối hợp với phòng Kế hoạch xây dựng kế hoạch phân phối sản phẩm : xây dựng phương án giá, xác định các kênh phân phối, chính sách khuyến mãi và chiết khấu phù hợp.

*** Phòng Bán hàng**

- Trực tiếp bán các mặt hàng do Nhà máy của Công ty sản xuất ra.
- Tiếp thị và nắm bắt nhu cầu của thị trường về tiêu thụ sản phẩm hàng sản xuất của Nhà máy GMP.
- Đề xuất phương án nghiên cứu mặt hàng mới nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới, cải tiến mẫu mã bao bì thích ứng với thị hiếu nhu cầu của khách hàng.
- Có kế hoạch tuyên truyền giới thiệu các mặt hàng Công ty sản xuất bằng nhiều hình thức như : in tờ rơi, quảng cáo trên truyền hình, báo chí ...
- Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chức năng trong Công ty để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của phòng.

*** Phòng Kỹ thuật**

- Xây dựng qui trình thao tác chuẩn: tài liệu sản xuất gốc, qui trình pha chế gốc, qui trình đóng gói gốc và các hồ sơ lô.
- Chỉ đạo sản xuất về mặt kỹ thuật bao gồm: chỉ đạo Nhà máy GMP thực hiện đúng qui trình, qui phạm sản xuất, đề ra nội qui và qui phạm trong sản xuất. Theo dõi diễn biến chất lượng sản phẩm sản xuất (phối hợp cùng bộ phận phòng ĐBCL, KTCL)
- Thường xuyên cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất.
- Tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện định mức sản phẩm (bao gồm định mức kinh tế kỹ thuật : nguyên liệu, vật tư, bao bì)
- Hướng dẫn và giám sát việc thực hiện các nội qui, qui chế Dược chính tại các bộ phận từng quý, xử lý hàng hóa kém, mất phẩm chất.
- Xây dựng và sửa đổi các qui trình sản xuất cho phù hợp với yêu cầu chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật qui định.
- Thẩm định các qui trình sản xuất.
- Tham mưu và xây dựng chương trình quản lý kỹ thuật cho phòng ĐBCL, hạn chế tối đa khả năng vi phạm qui trình kỹ thuật.
- Làm các hồ sơ đăng ký thuốc (đăng ký thuốc mới, đăng ký lại, đăng ký thay đổi sản phẩm ...)
- Xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm (tham gia với phòng KTCL)
- Tham gia công tác huấn luyện theo yêu cầu của phòng ĐBCL
- Quản lý các tài liệu, qui trình kỹ thuật và làm các công tác khác do lãnh đạo yêu cầu.
- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu : Tìm hiểu thị trường, nghiên cứu các sản phẩm trên thị trường về mẫu mã chất lượng, đề xuất nghiên cứu các sản phẩm phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và khả năng thực hiện. Tham mưu cho lãnh đạo về công tác chiến lược sản phẩm, kết hợp với phòng Thị trường và phòng Kế hoạch sản xuất.

- Triển khai nghiên cứu sản phẩm mới theo kế hoạch được duyệt.
  + Nghiên cứu dạng bào chế
  + Nghiên cứu nguyên liệu đưa vào sản xuất
  + Nghiên cứu dạng bao bì đóng gói
  + Nghiên cứu tuổi thọ của thuốc
  + Nghiên cứu điều kiện bảo quản
  + Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá
  + Thiết kế mẫu nhãn, bao bì
- Biên soạn hồ sơ thủ tục đăng ký mặt hàng mới
- Hướng dẫn triển khai sản xuất các sản phẩm mới, bàn giao qui trình sản xuất cho Nhà máy GMP, ổn định qui trình sản xuất.
- Nghiên cứu các sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí giá thành sản phẩm.
- Nghiên cứu khắc phục sự cố trong quá trình sản xuất.

*** Phòng Đảm bảo chất lượng**

- Quản lý chất lượng toàn diện từ khâu nguyên liệu đầu vào đến khâu thành phẩm xuất xưởng.
- Tổ chức huấn luyện đào tạo về GMP, GSP, GLP
  + Xác định đối tượng đào tạo
  + Soạn thảo tài liệu và phương pháp đào tạo
  + Lập chương trình đào tạo định kỳ, thường xuyên
  + Tổ chức đánh giá kết quả huấn luyện, đào tạo
- Quyết định cho phép hay không cho phép tất cả các nguyên liệu, bao bì đầu vào và các sản phẩm đầu ra.
- Kiểm soát hồ sơ sản phẩm.
- Quyết định cho sản xuất tiếp hay không sản xuất trong trường hợp có sự cố kỹ thuật.
- Lập mạng lưới đảm bảo chất lượng (nhân sự thuộc đơn vị khác nhau nhưng chỉ đạo về nghiệp vụ kỹ thuật)
- Giải quyết các vấn đề khiếu nại về chất lượng sản phẩm, thu hồi sản phẩm.
- Kiểm tra điều tra, ra các quyết định về các sự cố kỹ thuật liên quan đến chất lượng. Tham gia xử lý hàng hoá kém mất phẩm chất.
- Tổ chức đánh giá tự thanh tra nội bộ. Soạn thảo qui trình thanh tra, kiểm tra. Lập chương trình thanh tra định kỳ, thường xuyên. Lập bảng báo cáo tự thanh tra
- Quản lý việc thực hiện các qui chế chuyên môn Dược.
- Làm hồ sơ đăng ký xét duyệt GMP-GSP.

*** Phòng Cơ điện**

- Lập hồ sơ thẩm định thiết kế, lắp đặt, vận hành và công suất.
- Lắp đặt thiết bị, máy móc.
- Kiểm định thiết bị chịu áp lực.
- Lập hồ sơ và thực hiện chương trình bảo dưỡng, duy tu máy móc định kỳ, thường xuyên.
- Đảm bảo cung cấp điện, nước, khí nén, không khí sạch phục vụ sản xuất.
- Kiểm tra hệ thống an toàn điện, thiết bị chịu áp lực.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Soạn thảo các qui trình thẩm định, vận hành, bảo trì bảo dưỡng thiết bị máy móc

*** Phòng Kiểm tra chất lượng**

- Kiểm tra các loại phụ liệu, bao bì sản phẩm: mẫu mã, hình thức, qui cách chất lượng.
- Kiểm nghiệm các loại nguyên liệu và thành phẩm sản xuất
- Theo dõi độ ổn định của thuốc
- Trang bị và pha các loại chất chuẩn, thuốc thử, dung môi ... sử dụng cho công tác kiểm nghiệm và kỹ thuật. Pha màu, mùi và các loại dung môi cho sản xuất.
- Hỗ trợ công tác xây dựng tiêu chuẩn cho bộ phận kỹ thuật và nghiên cứu.
- Quản lý các hồ sơ kiểm nghiệm, máy móc thiết bị kiểm nghiệm.
- Kiểm tra kiểm định các máy móc và phương tiện kiểm nghiệm

*** Kho GSP**

- Kiểm, nhập kho nguyên liệu, vật tư, bao bì thông báo cho phòng KTCL lấy mẫu.
- Nhập thành phẩm đạt tiêu chuẩn xuất xưởng và hàng hóa kinh doanh.
- Xuất thành phẩm, hàng hóa theo hóa đơn bán hàng.
- Bảo quản hàng hóa trong kho.
- Theo dõi tồn kho.
- Kiểm kê định kỳ.
- Xây dựng, theo dõi hồ sơ xuất nhập, phân phối.

*** Nhà máy GMP**

- Tổ chức sản xuất theo qui trình sản xuất GMP. Tuyệt đối tuân thủ qui trình qui phạm trong sản xuất. Thực hiện tốt chế độ vệ sinh công nghiệp.
- Ghi chép hồ sơ lô mẻ theo qui định.
- Kiểm tra hồ sơ sản xuất đã hoàn chỉnh.
- Gửi hồ sơ sản xuất đã hoàn chỉnh về phòng Đảm bảo chất lượng.
- Nhập thành phẩm đạt tiêu chuẩn về Kho GSP.
- Soạn thảo qui trình vệ sinh : Nhà xưởng, thiết bị, con người

- Tham gia thẩm định qui trình sản xuất mới, thẩm định môi trường sản xuất, thiết bị sản xuất và vệ sinh nhà xưởng.
- Xử lý sự cố trong quá trình sản xuất.

12.4 Phương án sử dụng nhà cửa vật kiến trúc và đất khi chuyển sang công ty cổ phần:

Toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc trên các khu đất được chuyển toàn bộ sang cho Công ty cổ phần quản lý và sử dụng bao gồm:

Bảng 17. Danh mục nhà cửa vật kiến trúc và đất

STT	Tên khu đất	Diện tích (m2)	Địa điểm khu đất	Hiện trạng khu đất	Cơ sở pháp lý khu đất và phương án sử dụng
I	**Lô đất tại số 115 Ngô Gia Tự – TP. Đà Nẵng**				
1	Nhà làm việc 2 tầng	3.778,40	Số 115 Ngô Gia Tự - phường Hải Châu I - quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng	Nhà kết cấu BTCT, tường gạch, mái BTCT, nền sàn lát gạch.	Quyết định số 27098/QĐ-UB ngày 20/11/2003 về việc cho Công ty TNHH MTV Dược TƯ3 thuê đất. Hợp đồng thuê đất số 328-HĐ/TĐ ngày 29/10/2004. Thời hạn thuê đất: từ 01/01/2003 đến 31/12/2017. Phương thức trả tiền thuê đất hằng năm.
2	Phân xưởng sản xuất thuốc (nhà 2 tầng)				
3	Kho cháy nổ (1 tầng)				
4	Kho Thuốc Phụ Trợ Khu vực MT				
5	Phòng cấp nước (1 tầng)				
6	Kho Thuốc Công ích Khu vực MT + khung thép Zamin			Móng BTCT, tường gạch, khung thép, sàn bê tông, vì kèo thép, mái tôn.	
7	Đường nội bộ, cổng ngõ			Nhà bảo vệ, cổng tường rào, sân đường bê tông	
8	Mái để xe mới sau kho thuốc Công ích			Mái tôn gá vào tường kho thuốc	
II	**Lô đất tại số 109 Ngô Gia Tự – TP. Đà Nẵng**				
1	Cửa hàng 18 Đông dược (1 tầng)	20,80	số 109 Ngô Gia Tự - phường Hải Châu I - quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng	Nhà thuốc 1 tầng: Nhà BTCT, tường gạch, mái BTCT	Quyết định số 7031/QĐ-UBND ngày 15/09/2010 về việc Cho Công ty TNHH MTV Dược TƯ3 thuê đất. Hợp đồng thuê đất

					số 148/HĐ-TĐ ngày 16/06/2011. Thời hạn thuê: đến 30/12/2017. Phương thức trả tiền thuê đất hằng năm.
III	**Lô đất tại số 80 Trần Phú – TP. Đà Nẵng**				
1	(*) Khách sạn Vinapha (nhà 4 tầng)	157,60	Số 80 Trần Phú - phường Hải Châu I - quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng	Nhà đã cũ, hư hỏng nhiều, móng tường trần bị rạn nứt bong tróc, cần sửa chữa lại để sử dụng.	Quyết định số 2920/QĐ-UB ngày 19/10/1996 về việc cho Công ty TNHH MTV Dược TƯ3 thuê đất. Hợp đồng thuê đất số 33/98-HĐTĐ-HC ngày 25/08/1998. Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 11/06/2014 về việc cho phép Công ty TNHH MTV Dược TƯ3 gia hạn thời gian thuê đất và điều chỉnh diện tích đất thuê theo hiện trạng sử dụng tại 80 Trần Phú – Đà Nẵng. Thời hạn thuê: đến 31/12/2020. Phương thức trả tiền thuê đất hằng năm.
IV	**Khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh – TP. Đà Nẵng**				
1	Khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh - Đà Nẵng	1.550,00	Khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh - Đà Nẵng	Khu đất trống	Quyết định cho thuê đất số 2741/QĐ-UBND ngày 10/04/2010. Hợp đồng thuê đất số 435/HĐ-TĐ ngày 27/12/2007. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK280473. Thời hạn thuê: 20

					năm kể từ ngày 10/04/2007. Phương thức trả tiền thuê đất hằng năm.
V	**Khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh – TP. Đà Nẵng**				
1	Khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh - Đà Nẵng	4.950,00	Khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh - Đà Nẵng	Khu đất trống	Quyết định giao đất số 3792/QĐ-UBND ngày 22/05/2007. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM393670. Thời hạn sử dụng đất: lâu dài. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3)

(*):Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 11/06/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng về phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 gia hạn thời gian thuê đất và điều chỉnh diện tích đất thuê theo hiện trạng sử dụng tại 80 Trần Phú, Đà Nẵng. Mục đích sử dụng: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3-5 năm sau cổ phần hóa

13.1. Đánh giá một số mặt thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến SXKD của Công ty

a. Thuận lợi

- Công ty nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện và ý kiến chỉ đạo từ lãnh đạo của Tổng Công ty Dược Việt Nam.
- Tập thể CBCNV Công ty luôn đoàn kết nhất trí, đồng thuận, gắn bó với nghề nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác, được trải nghiệm qua thực tế nhiều năm qua.
- Nhận thức được sau khi cổ phần hóa áp lực cạnh tranh sẽ cao hơn, nhưng cũng là động lực để Công ty sẽ chủ động quyết liệt hơn trong định hướng chiến lược phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và huy động các nguồn lực theo quy định của pháp luật, nâng cao tính tự chủ của người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Sau khi cổ phần hóa, Công ty có điều kiện để huy động tối đa mọi nguồn lực, vật chất, trí tuệ của các cổ đông, linh hoạt và tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công tác quản lý, phân phối thu nhập ở công ty cổ phần được đổi mới sẽ tạo động lực thúc đẩy CBCNV nỗ lực lao động sản xuất, mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

b. Khó khăn

- Tình hình kinh tế: Nền kinh tế thế giới dự báo sẽ có phục hồi nhưng rất chậm chạp, bên cạnh đó còn tồn tại nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam được dự báo có sự phục hồi nhưng chưa bền vững.
- Vốn: Công ty cần mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhưng Công ty gặp rất nhiều khó khăn, vốn điều lệ của Công ty thấp, trong đó vốn lưu động không có nhiều, phụ thuộc nhiều vào vốn vay.
- Cơ sở hạ tầng: Theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng là tất cả các Nhà máy sản xuất phải di dời ra khỏi Thành phố vì vậy toàn bộ trụ sở, nhà máy và kho GSP của Công ty tại 115 Ngô Gia Tự, P. Hải Châu 1, Q. Hải châu ,Tp Đà Nẵng sau khi hết hạn hợp đồng thuê đất năm 2017 Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng sẽ thu hồi. Công ty đang lập phương án xin di chuyển nhà máy sản xuất thuốc và kho GSP đến địa điểm mới tại Khu dân cư Thanh Lộc Đán - Hòa Minh.
- Giá vật tư, nguyên vật liệu, nguồn hàng, chi phí sản xuất có xu hướng tăng dẫn tới giá thành ngày càng tăng cao làm giảm hiệu quả hoạt động của Công ty

13.2. Chiến lược phát triển

- Trong vài năm sau khi chuyển thành Công ty cổ phần , Công ty sẽ tập trung vào những lĩnh vực truyền thống và trở thành một trong những công ty hàng đầu tại khu vực miền Trung trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm.
- Công ty sẽ phấn đấu niêm yết trên thị trường chứng khoán khi đủ điều kiện..

13.3. Mục tiêu phấn đấu

Với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động, trả cổ tức từ 5% đến 10 % hoặc cao hơn; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

13.4 Các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu tăng từ 5 đến 10% so với năm trước.
- Thu nhập người lao động tăng từ 5% đến 10%, năm 2015 phấn đấu thu nhập từ 05 đến 06 triệu đồng/người/tháng.
- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 5% đến 10% hoặc cao hơn.
- Quan tâm đầu tư, mua sắm thiết bị đổi mới công nghệ hàng năm.
- Các chỉ tiêu tiến độ, chất lượng sản phẩm lên hàng đầu.
- Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng 100% yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ.

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo như sau:

Bảng 18. Bảng các chỉ tiêu chính trong sản xuất kinh doanh 2015 -2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	Chỉ tiêu	Năm		
		2015	2016	2017
1	Kế hoạch đầu tư XDCB			
2	Vốn điều lệ	17.500	17.500	17.500
3	Tổng doanh thu	448.000	493.000	550.000
4	Tổng chi phí	444.955	489.652	546.316
5	Lợi nhuận thực hiện	2.375	2.612	2.874
6	Tỷ lệ cổ tức	8%	9%	10%
7	Tổng lao động	193	205	215
8	Tổng quỹ lương	16.000	18.300	20.500
9	Thu nhập bình quân người/1 tháng	6,0	6,5	7,0

13.5. Các giải pháp thực hiện:

Để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

13.5.1. Giải pháp về vốn:

Căn cứ vào kế hoạch SXKD Công ty trên các lĩnh vực hoạt động để đưa ra các giải pháp về vốn như sau:

- Huy động vốn:

  + Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

  + Vay vốn của các Ngân hàng.

  + Vay vốn của các tổ chức và cá nhân với mức lãi suất phù hợp.

- Quản lý vốn:

  + Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có.

  + Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn.

  + Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay: Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài. Có chế tài thích hợp để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động có hiệu quả.

13.5.2. Giải pháp về tổ chức sản xuất, kinh doanh:

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án sx kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đảm bảo SXKD hiệu quả đáp ứng yêu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân.

- Ban lãnh đạo Công ty: Thực hiện các biện pháp quản lý vĩ mô, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ. Các phòng ban thực hiện các chức năng theo nhiệm vụ cụ thể đảm bảo cho bộ máy toàn công ty hoạt động nhịp nhàng hiệu quả.
- Nhà máy GMP và các bộ phận sản xuất có nhiệm vụ: Trực tiếp sản xuất các sản phẩm theo kế hoạch, tiến độ đã đề ra; Trực tiếp quản lý và sử dụng các nguồn lực: Máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, lao động vào tổ chức sản xuất một cách hiệu quả nhất.
- Phát huy tính chủ động sáng tạo của cấp đội trong điều hành sản xuất với sản xuất, an toàn và hiệu quả.
- Xây dựng và hoàn chỉnh dần, duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.
- Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành.
- Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng ở các giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.
- Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh của Công ty; Tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các bạn hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các tiện ích, dịch vụ gia tăng cho khách hàng. Coi đây là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định tới sự phát triển bền vững của Công ty.

13.5.3. Giải pháp về nguyên vật liệu và định mức

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh để cấp đủ, cấp đúng chủng loại hàng tồn kho cho sản xuất và kinh doanh; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất.
- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý.
- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất nhưng không làm ứ đọng vốn.
- Xây dựng định mức nguyên vật liệu sát thực tế đảm bảo tiết kiệm chi phí và chất lượng sản phẩm sản xuất;
- Ngoài việc quản trị chặt chẽ chi phí nguyên nhiên vật liệu - rà soát, sửa đổi bổ sung và áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật tiên tiến, Công ty còn có khả năng tiết kiệm được hao phí lao động /1đơn vị sản phẩm, bằng việc bố trí và sử dụng lao động hợp lý, phát huy cao độ năng lực mọi thành viên trong doanh nghiệp.

13.5.4. Giải pháp về doanh thu, chi phí:

- Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh của Công ty; Tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các bạn hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ gia tăng cho khách hàng.
- Đầu tư thay thế máy móc trang thiết bị cũ và đổi mới máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí trực tiếp đến giá thành sản phẩm.
- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phục vụ cho nhu cầu xã hội.
- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật ở tất cả các khâu. Coi đây là biện pháp quan trọng nhất trong quản lý các yếu tố vật liệu, nhiên liệu.
- Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện: Công tác chăm sóc bảo quản thiết bị, phương tiện được chú trọng thường xuyên, vận hành đúng quy trình kỹ thuật nhằm kéo dài tuổi thọ, giảm chi phí sửa chữa.

13.5.5. Giải pháp về tổ chức quản lý

- Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong những năm tiếp theo.
- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.
- Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty thông qua bộ máy điều hành tập trung và sử dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý: GPS, Camera, …
- Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán ...

13.5.6. Giải pháp về lao động tiền lương:

- Trước mắt, rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn. Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia SXKD. Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của CB-CNV trong Công ty, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.
- Về chính sách lao động:

+ Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể.

+ Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

+ Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề.

+ Ban hành các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao.

- Về chính sách tiền lương:

+ Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý.

+ Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ đội sản xuất và người lao động.

+ Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban theo nhiệm vụ được giao.

+ Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ tiền lương và các chế độ theo quy định.

13.5.7. Giải pháp về tìm kiếm phát triển thị trường

Công tác tìm kiếm, phát triển thị trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tích cực tìm kiếm phát triển thị trường trong phạm vi cả nước , chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
- Tranh thủ sự ủng hộ của Tổng công ty Dược Việt Nam và Bộ Y tế.
- Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước.
- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm.

13.5.8. Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể:

- Đảng bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Tăng cường giáo dục đội ngũ CBCNV phát huy truyền thống hơn 40 năm phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.
- Các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế

xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.

- Phát động các phong trào thi đua nhằm động viên các bộ phận, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

13.5.9 Giải pháp tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí:

Tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:

- Tuyên truyền, giáo dục, học tập luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty.
- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng.
- Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.
- Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương vv... và giám sát việc thực hiện các quy chế.

14. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần

(Dự thảo điều lệ kèm theo)

PHẦN III
KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiến nghị

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 là phù hợp với chủ trương của nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, kính đề nghị Ban chỉ đạo Cổ phần hóa xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3 để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước.

2. Tổ chức thực hiện

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Dược Trung Ương 3 được Ban chỉ đạo Cổ phần hóa phê duyệt và có Quyết định về việc chuyển Công ty TNHH MTV Dược Trung Ương 3 thành công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

Bảng 19. Kế hoạch tổ chức thực hiện

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	T(*)
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần nhà đầu tư bên ngoài, cho nhà đầu tư chiến lược và bán cổ phần ưu đãi cho CB CNV	T+45 ngày
3	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	T+ 45 ngày
4	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Phương án SXKD	T+75 ngày
5	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần	T+75 ngày
6	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty Cổ phần; in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	T+90 ngày
7	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Quý 1/2015
8	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị	Quý 1/2015
8	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	Quý 1/2015

(*) *T là ngày được cấp thẩm quyền phê duyệt Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Trung ương 3.*

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2014

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA	**CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**
TRƯỞNG BAN	**GIÁM ĐỐC**
(Đã ký)	**(Đã ký)**
	NGUYỄN THÀNH LINH

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)